

Số: 646 /BC-SYT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO
Hoạt động y tế lao động năm 2020

Kính gửi: Cục Quản lý môi trường y tế.

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý Vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động;

Sở Y tế Đồng Nai báo cáo hoạt động Y tế lao động 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY

Cán bộ báo cáo: Ths. Trần Văn Hoi – chuyên viên Phòng nghiệp vụ, Sở Y tế.
Điện thoại: 0979.237.279. Địa chỉ mail: tranhoi0909@gmail.com.

1. Công tác tổ chức về y tế lao động

1.1 Đơn vị tuyến tỉnh được giao thực hiện công tác y tế lao động: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai.

1.2. Tổng số cán bộ làm công tác y tế lao động, PCBNN:

					Trình độ cao đẳng/ trung cấp			Khác
Bác sỹ	Dược sỹ	Cử nhân YTCC	Thạc sỹ, Cử nhân, kỹ sư MT	Cử nhân hóa sinh	Y	Môi trường	Hóa sinh	
18	02	03	21	02	55	-	-	09

- Số giám định viên bệnh nghề nghiệp: 01

2. Tình hình thực hiện văn bản pháp quy

TT	Văn bản pháp quy	Số quận, huyện, thị xã, thành phố được phổ biến/Tổng số
1	Luật an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) Bộ Luật lao động	11
2	Các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật ATVSLĐ và Bộ Luật lao động	11

TT	Văn bản pháp quy	Số quận, huyện, thị xã, thành phố được phổ biến/Tổng số
3	Các Thông tư của Bộ Y tế hướng dẫn Luật ATVSLĐ	11
4	Các Thông tư của Bộ LĐTBXH hướng dẫn Luật ATVSLĐ	11
5	Các văn bản hướng dẫn công tác ATVSLĐ đối với nhân viên y tế	11

3. Cơ sở hạ tầng, máy, trang thiết bị phục vụ công tác vệ sinh lao động, bệnh nghề nghiệp

(Rà soát và báo cáo toàn bộ số máy móc hiện có theo Chuẩn Y tế dự phòng về lĩnh vực y tế lao động, bệnh nghề nghiệp đến thời điểm báo cáo - Đính kèm một trang riêng).

3.1 Danh mục các thiết bị hiện có của đơn vị thực hiện quan trắc môi trường lao động và trang thiết bị cho labo vệ sinh lao động:

STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Quốc gia- hãng chế tạo	Năm sử dụng
1	Máy bơm phát hiện khí nhanh	AP20	Japan/Kitagawa	2010
2	Máy bơm phát hiện khí nhanh	AP21	Japan/Kitagawa	2010
3	Máy bơm phát hiện khí nhanh	AP22	Japan/Kitagawa	2010
4	Máy bơm phát hiện khí nhanh	AP23	Japan/Kitagawa	2010
5	Cân phân tích 4 số lẻ	Ohaus	USA/PA214 Ohaus	2017
6	Chén bạch kim			2001
7	Lò nung		USA	2001
8	Máy đo vi khí hậu	Testo-400	Germany/Testo	2008
9	Máy đo vi khí hậu	Testo-400	Germany/Testo	2007
10	Máy đo bụi trọng lượng, hô hấp	SKC Quick take 30	USA/SKC	2008
11	Máy đo điện từ trường tần số thấp	Ets-Lingren HI3604	USA/Ets-Lingren	2010
12	Máy đo CO2	Testo 535	Germany/Testo	2010
13	Máy đo tiếng ồn phân tích dải tần	Rion NL32	Japan/Rion	2011
14	Máy đo ánh sáng	Testo 540	Germany/Testo	2012
15	Máy lấy mẫu khí cá nhân SKC-52	224PCXR8-SKC 52	USA/SKC	2014
16	Máy đo khí CO2	Testo 535	Germany/Testo	2015
17	Thiết bị đo đa năng (vi khí hậu)	Testo-435_2	Germany/Testo	2015

STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Quốc gia- hãng chế tạo	Năm sử dụng
18	Máy đếm bụi trọng lượng hô hấp	Kanomax 3521	China/Kanomax	2016
19	Máy đo bụi trọng lượng	Microdust Pro	Casella/England	2016
20	Máy đo độ rung	Svan 958	China/Svan	2016
21	Máy bơm phát hiện khí nhanh	AP20	Japan/Kitagawa	2016
22	Máy hút bụi bông	TE-4000	USA/TE	2016
23	Thiết bị đo đa năng (vi khí hậu)	Testo - 435_2	Germany/Testo	2016
24	Thiết bị đo điện từ trường tần số cao	Narda NBM-520	Germany/Narda	2016
25	Thiết bị đo phóng xạ	EXP+ SE Int	USA/SE International	2016
26	Bơm hút mẫu khí cầm tay	GV-110S	Gastec-Nhật Bản	2016
27	Thiết bị đo ồn dải tần	Rion NL-52EX (00976285)	Japan/Rion	2018
28	Thiết bị đo ồn dải tần	Rion-NL52EX (00976286)	Japan/Rion	2018
29	Máy đo khí CO2	Testo-535 (03232991/707)	Germany/Testo	2018
30	Máy đo khí CO2	Testo-535 (03233016/707)	Germany/Testo	2018
31	Thiết bị đo phóng xạ	Ranger EXP	USA/Ranger EXP International	2018
32	Thiết bị đo liều ồn cá nhân	dBadge2-Casella	England/Casella	2018
33	Thiết bị lấy mẫu khí	SKC-224PCXR8	USA/SKC	2018
34	Thiết bị đo áp suất không khí	Kimo MP-55	France/Kimo	2018
35	Thiết bị đo áp suất không khí	Kimo MP-55	France/Kimo	2018
36	Máy đo ánh sáng	Testo 540	Germany/Testo	2018
37	Máy đo ánh sáng	Testo 540	Germany/Testo	2018
38	Thiết bị lấy mẫu khí	SKC-224PCXR8	USA/SKC	2018
39	Thiết bị lấy mẫu khí	SKC-224PCXR8	USA/SKC	2018
40	Thiết bị đo ánh sáng UVA/UVB	UVA/UVB 850009 Direc	USA/Sper Scientific	2018
41	Thiết bị đo ánh sáng UVC	UVC 850010 Direc	USA/Sper Scientific	2018
42	Máy đo điện từ trường tần số thấp	Ets-Lingren HI3604	USA/Ets-Lingren	2018
43	Máy trám răng cố định			1995

STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Quốc gia- hãng chế tạo	Năm sử dụng
44	Mâm tay khoan Artus			2005
45	Ghế máy nha khoa 2028-D2			2007
46	Ghế máy nha khoa KTL 6210HE			2007
47	Ghế máy nha khoa KTL 6210HE			2008
48	Hệ thống xử lý nước thải phòng nha			2014
49	Lò hấp tiệt trùng bằng hơi nước YX 18LDJ			2014
50	Hệ thống xử lý nước thải			2017
51	Bộ ghế máy nha khoa QiMing Xing HY-2288			2008
52	Bộ ghế máy nha khoa QiMing Xing HY-2288			2008
53	Hệ thống máy nha khoa AY-A1000 (kèm máy nén khí)			2010
54	Hệ thống máy nha khoa AY-A1000 (kèm 2 máy nén khí)			2010
55	Lò hấp tiệt trùng tự động	YX-280D		2010
56	Hệ thống máy nha khoa AY-A1000			2011
57	Hệ thống máy nha khoa AY-A1000			2011
58	Máy nha khoa YD-D2	YD-D2		2017
59	Máy Highspeed trám răng lưu động			2008
60	Ghế máy nha Stern Weber F2			2002
61	Ghế máy nha khoa (kèn tay khoan siêu tốc)	Model YD-D3		2018
62	Quang phổ kế	Sanyo	Japan/Sanyo	2001
63	Cân phân tích điện tử	Ohaus	USA/PA215 Ohaus	2014
64	Thiết bị lấy mẫu và xét nghiệm bụi amiang (SKC)	SKC-224PCXR8	USA/SKC	2011
65	Thiết bị đo rung 3M-VI410	Quest VI-410	USA/Quest	2011
66	Máy đo bụi trọng lượng, hô hấp	SKC Quick Take 30	USA/SKC	2011
67	Thiết bị đếm bụi Kanomax 3887	Kanomax	Japan/Kanomax	2012
68	Thiết bị đo vi khí hậu	Testo-480	Germany/Testo	2013
69	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	Testo-540	Germany/Testo	2013
70	Máy đo bụi Sibata	Sibata LD3B	Japan/Sibata	2013
71	Máy đo tiếng ồn phân tích dải tần	Rion NL52	Japan/Rion	2013

STT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Quốc gia- hãng chế tạo	Năm sử dụng
72	Máy đo tốc độ gió			2011
73	Máy đo cường độ ánh sáng	Sper Scientific	Đài Loan	2011
74	Máy đo bức xạ ánh sáng			2011
75	Bộ kính thử mắt			2011
76	Máy đo PH cầm tay	Five Go F2	Thụy Sĩ/Meter Toledo	2017
77	Máy đo clor dư	Lamotte DC1500	USA	2018
78	Máy đo cường độ ánh sáng EA30	Extech EA30 - 180907727	China/Extech	2019
79	Máy đo bức xạ ion hóa PM1405 (Gamma, Beta)	PM1405 - 122339	Belarus-Polimaster	2019
80	Thiết bị đo vi khí hậu EN150	Extech EN150 - Q002825	China/Extech	2019
81	Máy đo bụi trọng lượng phân tích HD1100	HD1100 - 11185307	USA-Environmental Devices	2019
82	Máy đo độ rung 407860	Extech - A041478	USA-Extech	2019
83	Máy đo ồn phân tích giải tần type 6238	Type 6238 - 183005	Japan-Aco	2019
84	Máy đo điện từ trường tần số thấp	480486 - 180902737	China/Extech	2019
85	Máy đo áp suất khí quyển	1140SB	USA-BioQuip	2019
86	Máy đo khí độc cầm tay	PS500 - 253028	England-GMI	2019
87	Máy đo tốc độ gió, nhiệt độ	SDL350	USA-Extech	2019
88	Máy lấy mẫu bụi bông	Apex 2IS Pro- 2283457	England/Casella	2019
89	Máy lấy mẫu bụi Amiang	Apex 2IS Pro - 2283358	England/Casella	2019
90	Tủ sấy khô			2001

3.2 Danh mục trang thiết bị cho khoa Bệnh nghề nghiệp:

STT	Tên tài sản	MS TS
1	Máy đo chức năng hô hấp easy one	MAC036
2	Máy đo chức năng hô hấp easy one	TMC001
3	Máy đo chức năng hô hấp easy one	MAC171

STT	Tên tài sản	MS TS
4	Máy đo chức năng hô hấp	MAC182
5	Máy đo chức năng hô hấp spirolab	MAC205
6	Máy đo chức năng hô hấp spirolab	MAC197
7	Máy đo chức năng hô hấp schiller	TS0642
8	Máy đo chức năng hô hấp spirolab	TS0621
9	Máy đo thính lực hiển thị số MA52	MAC040
10	Máy đo thính lực hiển thị số MA52	MAC038
11	Máy đo thính lực hiển thị số MA52	MAC039
12	Máy đo thính lực hiển thị số MA52	MAC094
13	Máy đo thính lực hiển thị số	MAC181
14	Máy đo thính lực hiển thị số MA41	MAC201
15	Máy đo thính lực hiển thị số MA41	MAC214
16	Máy đo thính lực hiển thị số MA41	TS0648
17	Máy đo thính lực hiển thị số	TS0738
18	Bộ chụp tai nghe thính lực	BOC017
19	Bộ khám tai mũi họng	BOC018
20	Bộ khám tai mũi họng	BOC019
21	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy MA41	BOC030
22	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy MA41	BOC031
23	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy MA52	BOC032
24	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy MA52	BOC033

STT	Tên tài sản	MS TS
25	Phòng cách âm di động	BXC001
26	Đèn soi đáy mắt	DEC002
27	Đèn led khám tai mũi họng	DEC013
28	Đèn led khám tai mũi họng	DEC014
29	Đèn Clar khám tai mũi họng	DEC026
30	Đèn đọc phim bụi phổi	DEC043
31	Đèn đọc phim bụi phổi (NDED180031)	DEC050
32	Bộ chụp tai nghe thính lực	BOC017(MA9039082)
33	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy MA41	BOC030
34	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy MA41	BOC033
35	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy MA52	BOC031
36	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy MA52	BOC032
37	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy hc cũ MAC094	MAC094(1013791)
38	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy MAC201	MAC201(MA9039081)
39	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy MAC214	MAC214
40	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy TS0648	TS0648
41	Chụp tai nghe đường khí giảm ồn dùng cho máy TS0738	TS0738
42	Máy đo chức năng hô hấp(Easy One)trắng	TMC001
43	Máy đo chức năng hô hấp(Easy One)(đen)	MAC036
44	Máy đo chức năng hô hấp(viện trợ)	MAC182
45	máy đo chức năng hô hấp(Spirolab)ngắn số 2	MAC205

STT	Tên tài sản	MS TS
46	Máy đo chức năng hô hấp(Schiller)(In giấy vuông)	TS0642
47	Máy đo CNHH Spirobank II(Advanced) MI	TS0621
48	Máy đo thính lực biểu thị số(số 2)cũ	MAC038
49	Máy đo thính lực biểu thị số 1(số 1)cũ	MAC039
50	Máy đo thính lực hiển thị số Maico(số 3)cũ	MAC040
51	Máy đo thính lực biểu thị số(hc)cũ	MAC094
52	Máy đo thính lực (viện trợ)	MAC181
53	máy đo thính lực MA41 Maico(mới)(có chữ)(bị lỗi)	MAC201
54	Máy đo thính lực(kèm tai nghe to)(máy mới)	MAC214
55	Máy đo thính lực (máy mới)(kèm máy in)Đức	TS0648
56	Máy đo thính lực (HC phòng cô hương), máy đo lượng nhi độ,buồng cách âm (Investis)	TS0738

II. CƠ SỞ LAO ĐỘNG TRONG PHẠM VI QUẢN LÝ (Số liệu CDC)

Loại cơ sở lao động	Số cơ sở			Số người lao động					
	Tổng số	Số trực thuộc bộ, ngành	Số cơ sở có yếu tố có hại, nguy hiểm	Tại tất cả các cơ sở		Tại các cơ sở có yếu tố có hại, nguy hiểm (YTCHNH)			
				Tổng số	Số nữ	Tổng số	Số nữ	Số NLĐ tiếp xúc trực tiếp với YTCHNH	Số nữ tiếp xúc trực tiếp với YTCHNH
Trên 200 NLĐ	369	-	276	402.548	262.233	333.977	216.768	-	-
50-200 NLĐ	328	-	218	38.281	13.035	25.704	8.578	-	-
Dưới 50 NLĐ	158	-	80	3.855	1.311	1.994	573	-	-
Tổng cộng	855	-	574	444.684	276.579	361.675	225.919	-	-

III. PHÂN LOẠI CƠ SỞ LAO ĐỘNG THEO NGÀNH NGHỀ VÀ QUY MÔ

1. Phân loại đối với tất cả các cơ sở lao động trong phạm vi quản lý: (Số liệu CDC)

TT	Loại ngành nghề	Cơ nhỏ dưới 50 NLĐ		Cơ vừa 50-200 NLĐ		Cơ lớn >200 NLĐ		Tổng số	
		Số CS	Số NLĐ	Số CS	Số NLĐ	Số CS	Số NLĐ	Số CS	Số NLĐ
1	Nông nghiệp	1	18			1	216	2	234
2	Lâm nghiệp			1	55			1	55
3	Thủy sản			1	115			1	115
4	Khai thác mỏ	6	131	8	1.070	2	495	16	1.696
5	Công nghiệp chế biến, chế tạo	104	2.846	260	30.150	339	387.377	703	420.373
6	Sản xuất và phân phối năng lượng	5	93	9	1.380	8	5.530	22	7.003
7	Cung cấp nước, QL, xử lý rác/nước thải	12	39	3	278	1	706	16	1.023
8	Xây dựng			3	256	2	822	5	1.078
9	Thương nghiệp, dịch vụ sửa chữa	8	158	10	1.062	5	2.152	23	3.372
10	Vận tải, kho bãi	2	35	7	774	1	630	10	1.439
11	Khách sạn nhà hàng	158	3.855						
12	Thông tin, truyền thông								
13	Tài chính, tín dụng và bảo hiểm	1	22	2	196			3	218
14	Kinh doanh bất động sản								
15	Hoạt động chuyên môn, KHCN								
16	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1	4					1	4
17	Quản lý nhà nước, an ninh q/phòng			1	80			1	80
18	Giáo dục và đào tạo								
19	Y tế và các hoạt động cứu trợ XH	9	286	16	2.187	10	4.620	35	7.093
20	Hoạt động văn hóa xã hội			1	109			1	109
21	Các hoạt động dịch vụ khác	9	223	6	569			15	792
22	Làm thuê các công việc tại hộ gia đình								
23	Hoạt động các tổ chức, cơ quan quốc tế								
	Tổng cộng	158	3.855	328	38.281	369	402.548	855	444.684

2. Phân loại cơ sở lao động YTCHNH theo ngành nghề, quy mô. (Số liệu CDC)

TT	Loại ngành nghề	Cơ nhỏ dưới 50 NLĐ		Cơ vừa 50- 200 NLĐ		Cơ lớn >200 NLĐ		Tổng số	
		Số CS	Số NLĐ	Số CS	Số NLĐ	Số CS	Số NLĐ	Số CS	Số NLĐ
1	Nông nghiệp								
2	Lâm nghiệp								
3	Thủy sản			1	115			1	115
4	Khai thác mỏ	4	131	4	513	2	495	10	1.139
5	Công nghiệp chế biến, chế tạo	57	1.649	196	23.519	268	329.007	521	354.175
6	Sản xuất và phân phối năng lượng					2	2.776	2	2.776
7	Cung cấp nước, QL, xử lý rác/nước thải	12	39	3	278			15	317
8	Xây dựng			2	153	1	410	3	563
9	Thương nghiệp, dịch vụ sửa chữa	2	38	5	533	2	905	9	1.476
10	Vận tải, kho bãi	1	6					1	6
11	Khách sạn nhà hàng								
12	Thông tin, truyền thông								
13	Tài chính, tín dụng và bảo hiểm			2	196			2	196
14	Kinh doanh bất động sản								
15	Hoạt động chuyên môn, KHCN								
16	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ								
17	Quản lý nhà nước, an ninh q/phòng								
18	Giáo dục và đào tạo								
19	Y tế và các hoạt động cứu trợ XH	2	55			1	384	3	439
20	Hoạt động văn hóa xã hội								
21	Các hoạt động dịch vụ khác	2	76	5	397			7	473
22	Làm thuê các công việc tại hộ gia đình								
23	Hoạt động các tổ chức, cơ quan quốc tế								
	Tổng cộng	80	1.994	218	25.704	276	333.977	574	361.67

IV. LẬP HỒ SƠ VỆ SINH LAO ĐỘNG

Các cơ sở lao động thuộc phạm vi quản lý		Cơ sở lao động có yếu tố nguy hiểm, có hại	
Tổng số cơ sở	Số cơ sở lập hồ sơ vệ sinh lao động	Tổng số cơ sở	Số cơ sở lập hồ sơ vệ sinh lao động
1.852	855	-	574

Lập hồ sơ vệ sinh lao động thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động.

V. TỔ CHỨC BỘ PHẬN Y TẾ TẠI CƠ SỞ LAO ĐỘNG (Số liệu CDC)

1. Phân loại cơ sở lao động theo hình thức tổ chức bộ phận y tế

Loại cơ sở sản xuất	Hình thức tổ chức bộ phận y tế tại cơ sở lao động					Hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tổng cộng
	Có trạm/phòng y tế	Bệnh viện	Phòng khám	Khác	Tổng số cơ sở có tổ chức y tế		
Trên 200 NLĐ	-	-	-	-	260	-	260
50-200 NLĐ	-	-	-	-	83	-	83
Dưới 50 NLĐ	-	-	-	-	10	-	10
Tổng cộng	-	-	-	-	353	-	353

2. Trình độ người làm công tác Y tế tại các cơ sở lao động

Loại cơ sở sản xuất	Tổng số người làm công tác Y tế	Trình độ người làm công tác y tế					
		Bác sĩ	Bác sĩ y tế dự phòng	Cử nhân điều dưỡng	Y sỹ	Điều dưỡng trung học	Hộ sinh viên
Trên 200 NLĐ	555	90	-	-	251	214	-
51-200 NLĐ	103	16	-	-	51	36	-
Dưới 50 NLĐ	10	-	-	-	3	7	-
Tổng cộng	668	106	-	-	305	257	-

3. Lực lượng sơ cứu, cấp cứu tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh (Số liệu CDC)

Loại cơ sở sản xuất	Số người tham gia lực lượng sơ cứu	
	Tổng số	Trong đó nữ
Trên 200 NLĐ	1.040	693
51-200 NLĐ	1.871	1.245
Dưới 50 NLĐ	1.722	1.148
Tổng cộng	4.633	3.086

VI. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRONG KỲ BÁO CÁO

1. Kết quả quan trắc các yếu tố vi khí hậu và vật lý, hóa học trong môi trường lao động

- a) Tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đồng Nai: 165 cơ sở (đính kèm phụ lục 1)
- b) Trung tâm y tế các huyện, thành phố thực hiện và doanh nghiệp báo cáo: 153 cơ sở (đính kèm phụ lục 2)

2. Kết quả quan trắc yếu tố bụi trong môi trường lao động

- a) Tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai: 165 cơ sở (đính kèm phụ lục 3)
- b) Trung tâm y tế các huyện, thành phố thực hiện và doanh nghiệp báo cáo: 153 cơ sở (đính kèm phụ lục 4)

3. Kết quả đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp và yếu tố tâm sinh lý và ec-gô-nô-my

- a) Tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai: 165 cơ sở (đính kèm phụ lục 5)
- b) Trung tâm y tế các huyện, thành phố thực hiện và doanh nghiệp báo cáo: 153 cơ sở (đính kèm phụ lục 6)

VII. TÌNH HÌNH SỨC KHỎE VÀ BỆNH TẬT

1. Tình hình nghỉ ốm

Số cơ sở có báo cáo/tổng số cơ sở lao động trong phạm vi quản lý: 67/855

TT	Tên cơ sở	Số người lao động	Ôm				Tai nạn lao động				Bệnh nghề nghiệp				Tổng số			
			Số người	%	Số ngày	%	Số ngư ời	%	Số ngày	%		NLĐ được khám BNN	NLĐ được chẩn đoán BNN	NL Đ được giám định BN N	Số người	%	Số ngày	%
			-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8					-9	-10	-11	-12
1	TNHH JYS VINA	173		0											0	0.0	0	0.0
2	TNHH GỖ CHAOYANG	460		0											0	0.0	0	0.0
3	TNHH GỖ LEFFU (VN)	1,527		0											0	0.0	0	0.0
4	TNHH ĐIỆN TỬ VIỆT TƯỜNG	1,112		0											0	0.0	0	0.0
5	TNHH VIỆT NAM NISSIN TECHNOMIC	107		0											0	0.0	0	0.0
6	TNHH NS BLUESCOPE LYSAGHT VIỆT NAM	46		0											0	0.0	0	0.0
7	TNHH MAY MẶC NGÀY VINH QUANG	302		0											0	0.0	0	0.0
8	TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU LIXIL VIỆT NAM	1,346		0											0	0.0	0	0.0
9	TNHH KUMKANG VINA	12		0											0	0.0	0	0.0
10	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM	570		0											0	0.0	0	0.0
11	TNHH SÀI GÒN 3 JEAN	430		0											0	0.0	0	0.0
12	TNHH BRISKHEAT VIỆT NAM	369		0											0	0.0	0	0.0
13	TNHH BELMONT MUNUFACTURING	96		0											0	0.0	0	0.0
14	TNHH NHỰA VÀ HÓA CHẤT TPC VINA	175	11	6	23	13	2	0.2	28	28					13	6.5	51	40.5
15	TNHH FC VIỆT NAM	311	1562	502	2447	1.6									1,562	502.3	2,447	1.6
16	CHI NHÁNH CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM	506	40	8	419							837	57		40	7.9	419	0.0
17	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY VẬN CHUYỂN KHÍ ĐÔNG NAM BỘ	192		0											0	0.0	0	0.0
18	TNHH SILK VIỆT NAM	125	188	150	430	28									188	150.4	430	28.1

TT	Tên cơ sở	Số người lao động	Ôm				Tai nạn lao động				Bệnh nghề nghiệp				Tổng số			
			Số người	%	Số ngày	%	Số ngư ời	%	Số ngày	%		NLĐ được khám BNN	NLĐ được chẩn đoán BNN	NL Đ được giám định BN N	Số người	%	Số ngày	%
			-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8					-9	-10	-11	-12
19	TNHH RITEK VIỆT NAM	460	13	3	13	3.4						36			13	2.8	13	3.4
20	TNHH SẢN PHẨM,63 THÊ THAO	74	8	11	24										8	10.8	24	0.0
21	TNHH AICA LAMINATES VIỆT NAM	91	10	11	28	2.8									52	11.0	190	
22	TNHH FUJIKURA ELECTRONICS VIỆT NAM	443	305	69	1088	185						47			305	68.8	1,088	185.4
23	TNHH TENTAC (HỒ CHÍ MINH)	207	577	279	1157										577	278.7	1,157	0.0
24	TNHH ON SEMICONDUCTOR VIỆT NAM	2,039	6020	295	10199		1								6,021	295.2	10,199	0.0
25	CÔNG PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM - CHI NHÁNH BÌNH KHÍ	180																
26	CÔNG PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ	576	163	28	1799	78			38			127	14	1	163	28.3	1,837	78.0
27	CÔNG PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610 TẠI PHƯỚC TÂN	53		0											0	0.0	0	0.0
28	TNHH QUỐC TẾ FLEMING VIỆT NAM	1,319	480	36	480	0.4									480	36.4	480	0.4
29	TNHH HANSOL ELECTRONICS VIETNAM HOCHIMINH CITY	338	323	96	701	16						6			323	95.6	701	15.6
30	NHÀ MÁY GIANG ĐIỆN - CÔNG TY TNHH OLAM VIỆT NAM	151	88	58	189	17									88	58.3	189	17.4
31	CHI NHÁNH LONG BÌNH CÔNG TY TNHH OLAM VIỆT NAM	432	316	73	1176	3.7						249			316	73.1	1,176	3.7
32	CÔNG PHẦN NIPPON SANSO VIỆT NAM	123		0											0	0.0	0	0.0
33	CÔNG PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA	540	321	59	943	100	1		3			161			322	59.4	946	100.0
34	TNHH MAPPACIFIC SINGAPORE	246		0											0	0.0	0	0.0
35	CÔNG SỬA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỬA DIELAC	303	37	12	207	15									37	12.2	207	15.0
36	TNHH SAMIL VINA	1,536	600	39	2957		23		201						623	39.1	3,158	0.0
37	TNHH VIỆT NAM NISSIN SEIFUN	404	118	29	550	3	0.3	56							118	85.2	550	3.0
38	TNHH NESTLE VIỆT NAM - NHÀ MÁY NESTLE VIỆT NAM	357	629	176	809										629	176.2	809	0.0
39	CÔNG PHẦN HÒA VIỆT	271	120	44	298										120	44.3	298	0.0
40	TNHH QUỐC TẾ KIM BẢO SƠN	2,045	1933	95	8201		1		34						1,934	94.5	8,235	0.0
41	TNHH VIỆT NAM SUZUKI	394	53	13	188							208			53	13.5	188	0.0

TT	Tên cơ sở	Số người lao động	Ôm				Tai nạn lao động				Bệnh nghề nghiệp				Tổng số			
			Số người	%	Số ngày	%	Số người	%	Số ngày	%		NLĐ được khám BNN	NLĐ được chẩn đoán BNN	NL Đ được giám định BN N	Số người	%	Số ngày	%
			-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8					-9	-10	-11	-12
42	TEAKWANG VINA	27,718	46653	168	108429		20		252						46,673	168.3	108,681	0.0
43	TNNH CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ NGHE NHÌN BOE	589	472	80	661		1		30						473	80.1	691	0.0
44	TNNH GROBEST LANDFOUND	168	478	285	893							251			478	284.5	893	0.0
45	TNNH GROBEST INDUSTRIAL	591	784	133	2626		1		5			842	43		785	132.7	2,631	0.0
46	TNNH SAITEX INTERNATIONAL ĐỒNG NAI VN	2,988	2286	77	4704		8		83			1349			2,294	76.5	4,787	0.0
47	TNNH ADVANCED MULTITECH	3,734	4216	113	8896		7		89			1059		3	4,223	112.9	8,985	0.0
48	TNNH KHÍ HÓA LÔNG VIỆT NAM VT GAS - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI	103	17	17	127										17	16.5	127	0.0
49	TNNH GIẤY DONA STANDARD VIỆT NAM	5,613	7291	130	14862		11		36						7,302	129.9	14,898	0.0
50	TNNH SCHAEFFLER VIỆT NAM	450	488	108	1297										488	108.4	1,297	0.0
51	TNNH ĐÔNG PHƯƠNG ĐỒNG NAI VIỆT NAM	11,335	13702	121	39882		31		361			1194			13,733	120.9	40,243	0.0
52	TRIGON ASSOCIATES	20		0											0	0.0	0	0.0
53	TNNH HANSOL ELECTRONICS VIỆT NAM HOCHIMINH CITY	338	323	96	701							6			323	95.6	701	0.0
54	TNNH AFIRST VINA	1,454	16	1	20		2								18	1.1	20	0.0
55	TNNH HUNTSMAN VIỆT NAM	27	4	15	16											14.8	16	
56	CÔNG PHÂN VLXD BIÊN HÒA	686	460	67	2043									12	460	67.1	2,043	0.0
57	TNNH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA-ĐỒNG NAI	434	62	14	220	78	1	0.3 2	6	2.6 7		220						
58	CÔNG PHÂN CAFE DENAM																	
59	CP VINACAFE BIÊN HÒA	256	36	13	148	18						214						
60	TNNH TÂN DƯƠNG	391	91	23	123	1.4												
61	CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM											79						
62	TNNH TOMBOW MANUFACTURING ASIA	776	433	54	3019	14	7	0.4 5	6	7								
63	HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP)	1,005	492	42								188						

TT	Tên cơ sở	Số người lao động	Ôm				Tai nạn lao động				Bệnh nghề nghiệp			Tổng số			
			Số người	%	Số ngày	%	Số người	%	Số ngày	%	NLĐ được khám BNN	NLĐ được chẩn đoán BNN	NLĐ được giám định BN N	Số người	%	Số ngày	%
			-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8				-9	-10	-11	-12
64	CÔNG PHẦN SCAVI	1,480	940	63	9963	11	12				658						
65	TNHH CHANG DAE VINA	379	640		2316												
66	TNHH NESTLE VIỆT NAM - NHÀ MÁY NESTLE ĐỒNG NAI	645	973	151	3653									973	150.9	3,653	0.0
67	TNHH BÌNH TIÊN BIÊN HÒA	3,940	2778	71	6263		2							2,780	70.5	6,263	0.0
	<i>Tổng cộng</i>	97,851	97,550	3,935	245188	589	131	57	1,172	38	0	7,731	114	16	95,005	230,721	492

Ghi chú:

- Cột 2, 14: tỷ lệ % so với tổng số người lao động.
- Cột 6: tỷ lệ % so với tổng số người lao động trực tiếp sản xuất.
- Cột 10: tỷ lệ % so với tổng số người lao động tiếp xúc với các yếu tố có hại.
- Cột 4, 8, 12, 16: số ngày nghỉ trung bình (được tính bằng tổng số ngày nghỉ/tổng số người nghỉ do từng nguyên nhân)

2. Tình hình bệnh tật và tai nạn lao động

Số cơ sở có báo cáo/tổng số cơ sở lao động trong phạm vi quản lý: 43/855

TT	Nhóm bệnh	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
I. Tổng số trường hợp mắc các loại bệnh thông thường:					
1	Lao phổi	3	4	16	9
2	Ung thư phổi	12	14	6	46
3	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản cấp	2,293	2,312	3,672	7,136
4	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản mãn	592	797	603	1,685
5	Viêm phế quản cấp	268	231	347	689
6	Viêm phế quản mãn	39	39	31	118
7	Viêm phổi	51	58	42	47
8	Hen phế quản, giãn phế quản, dị ứng	123	138	368	403
9	Ỉa chảy, viêm dạ dày, ruột do NT	958	1,688	1,223	2,195
10	Nội tiết	359	342	353	519
11	Bệnh tâm thần	0	0	2	0
12	Bệnh thần kinh tr/ương và ngoại biên	491	1,025	1,431	810
13	Bệnh mắt	1,094	1,594	1,286	2,016
14	Bệnh tai	155	186	377	668
15	Bệnh tim mạch	104	184	137	518
16	Bệnh dạ dày, tá tràng	1,104	1,221	1,795	3,196
17	Bệnh gan, mật	465	486	320	349
18	Bệnh thận, tiết niệu	326	438	458	1,011
19	Bệnh phụ khoa/số nữ	231	212	258	409
20	Sảy thai/số nữ có thai	53	134	77	241
21	Bệnh da	193	214	447	651
22	Bệnh cơ, xương khớp	918	938	1,058	1,578
23	Bệnh sốt rét	82	22	40	94
24	Các loại bệnh khác (Ghi rõ cụ thể)	1,974	2,594	3,155	7,672
	Cộng	11,888	14,871	17,502	32,060

II. Các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp		I		II		III		IV	
	Bệnh nghề nghiệp	0		0		0		0	
III. Các trường hợp tai nạn lao động		Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết
	Tai nạn lao động	9	0	38	0	38	0	42	0
	Tổng cộng								

VIII. TÌNH HÌNH KHÁM ĐỊNH KỲ VÀ KHÁM PHÁT HIỆN, GIÁM ĐỊNH BỆNH NGHỀ NGHIỆP

1. Phân loại sức khỏe:

1.1 Số cơ sở lao động có khám sức khỏe định kỳ do Trung tâm kiểm soát bệnh tật thực hiện/tổng số cơ sở: **52/ 855**

Số khám SKĐK	Tổng số	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
Nam	12.315	2.275	6.094	3.154	694	48
Tỷ lệ %	56,75	73,64	59,55	47,8	45,1	31,4
Nữ	9.346	814	4.139	3.443	845	105
Tỷ lệ %	43,25	26,36	40,45	52,2	54,9	68,6
Tổng cộng	21611	3.089	10233	6597	1539	153
Tỷ lệ %	100	14,3	47,4	30,5	7,1	0,71

1.2 Số cơ sở lao động có khám sức khỏe định kỳ do Trung tâm y tế huyện, Tp thực hiện và cơ sở báo cáo: **153** cơ sở

Số khám SKĐK	Tổng số	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
Nam	38,233	3,653	14,349	18,824	1,127	280
Tỷ lệ %	44%	4.17%	188.18%	46.28%	3.31%	6.74%
Nữ	49,335	3,972	26,326	15,203	3,028	806
Tỷ lệ %	56%	4.54%	345.26%	37.38%	8.90%	19.40%
Tổng cộng	87,568	7,625	40,675	34,027	4,155	1,086
Tỷ lệ %	100%	8.71%	533.44%	83.66%	12.21%	26.14%

2. Kết quả khám phát hiện bệnh nghề nghiệp: (số liệu CDC)

Số cơ sở lao động có khám BNN/tổng số cơ sở có nguy cơ: 59/574

TT	Tên bệnh nghề nghiệp	NLD được khám sức khỏe phát hiện BNN		NLD được chẩn đoán BNN		NLD được giám định BNN		Kết quả giám định BNN					
		Tổng số	Số nữ	Tổng số	Số nữ	Tổng số	Số nữ	<5%		5 - 30%		>=31%	
								TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ
1	Bệnh bụi phổi silic nghề nghiệp	60	25										
2	Bệnh bụi phổi amiăng nghề nghiệp												
3	Bệnh bụi phổi bông nghề nghiệp												
4	Bệnh bụi phổi talc nghề nghiệp												
5	Bệnh bụi phổi than nghề nghiệp												
6	Bệnh viêm phế quản mạn tính nghề nghiệp;	9452	4452										
7	Bệnh hen phế quản nghề nghiệp;	209	50										
8	Bệnh nhiễm độc chì nghề nghiệp (chì máu)												
9	Bệnh nhiễm độc nghề nghiệp do benzen và đồng đẳng	112	22										
10	Bệnh nhiễm độc thủy ngân nghề nghiệp												
11	Bệnh nhiễm độc mangan nghề nghiệp;												
12	Bệnh nhiễm độc trinitrotoluen nghề nghiệp												

TT	Tên bệnh nghề nghiệp	NLĐ được khám sức khỏe phát hiện BNN		NLĐ được chẩn đoán BNN		NLĐ được giám định BNN		Kết quả giám định BNN					
		Tổng số	Số nữ	Tổng số	Số nữ	Tổng số	Số nữ	<5%		5 - 30%		>=31%	
								TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ
13	Bệnh nhiễm độc asen nghề nghiệp												
14	Bệnh nhiễm độc hóa chất bảo vệ thực vật nghề nghiệp (nhóm photpho hữu cơ và cacbamat)												
15	Bệnh nhiễm độc nicotin nghề nghiệp												
16	Bệnh nhiễm độc monoxit cacbon NN												
17	Bệnh nhiễm độc cadimi nghề nghiệp												
18	Bệnh điếc nghề nghiệp do tiếng ồn	8043	2050										
19	Bệnh tăng hoặc giảm áp nghề nghiệp												
20	Bệnh nghề nghiệp do rung toàn thân												
21	Bệnh nghề nghiệp do rung cục bộ												
22	Bệnh phóng xạ nghề nghiệp												
23	Bệnh đục thủy tinh thể nghề nghiệp												
24	Bệnh nốt dầu nghề nghiệp												
25	Bệnh sạm da NN												

TT	Tên bệnh nghề nghiệp	NLD được khám sức khỏe phát hiện BNN		NLD được chẩn đoán BNN		NLD được giám định BNN		Kết quả giám định BNN					
		Tổng số	Số nữ	Tổng số	Số nữ	Tổng số	Số nữ	<5%		5 - 30%		>=31%	
								TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ
26	Bệnh viêm da tiếp xúc nghề nghiệp do crôm												
27	Bệnh da NN do tiếp xúc môi trường ẩm ướt và lạnh kéo dài												
28	Bệnh da nghề nghiệp do tiếp xúc với cao su tự nhiên và hóa chất												
29	Bệnh xoắn khuẩn Leptospira NN												
30	Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp												
31	Bệnh lao nghề nghiệp												
32	Bệnh nhiễm HIV do tai nạn rủi ro NN												
33	Bệnh viêm gan vi rút C nghề nghiệp	112											
34	Bệnh ung thư trung biểu mô nghề nghiệp												
	Tổng cộng												

3.Danh sách người mắc bệnh nghề nghiệp:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	Xét nghiệm	Chẩn đoán
01	Thiều Sỹ Thìn	1971	Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
02	Trần Văn tiến	1982	Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
03	Hồ Quang Dũng	1984	Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
04	Nguyễn Văn Huỳnh	1978	Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
05	Nguyễn Văn Hòa	1966	Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
06	Hồ Trọng Tiến	1982	Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
07	Nguyễn Minh Quân	1972	Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
08	Nguyễn Văn Nhẫn	1979	Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
09	Lê Thị Tuyết	1974	Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
10	Bùi văn Quý	1974	Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
11	Nguyễn Văn Quân	1973	Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
12	Nguyễn Thành Thúc	1978	Công ty Zamil Steel	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
13	Nguyễn Văn Chính	1972	BVĐK Long Thành	Đo hoàn chỉnh	Lao nghề nghiệp
14	Nguyễn Thị Phúc	1989	BVĐK Long Thành	Đo hoàn chỉnh	Lao nghề nghiệp
15	Trần Huy Sơn	1986	Công ty CPHH Vedan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
16	Vũ Đức Tình	1966	Công ty CPHH Vedan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
17	Lê Gia Tú	1986	Công ty TNHH Ojtex	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
18	Nguyễn Đăng Phong	1981	Công ty Fusheng VN	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
19	Phạm Thanh Bình	1967	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
20	Vũ Thị Chuốt	1970	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
21	Phạm Ngọc Dẫn	1972	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
22	Bùi Đức Long	1977	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
23	Nguyễn Trọng Thắng	1987	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	Xét nghiệm	Chẩn đoán
24	Trần Công Trứ	1963	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
25	Nguyễn Văn Thành	1981	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
26	Nguyễn Thanh Văn	1973	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
27	Trần Thị Bình	1971	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
28	Trần Trung Kiên	1982	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
29	Đỗ Duy Lý	1975	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
30	Trương Văn Thái	1977	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
31	Trần Văn Hưng	1986	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
32	Lê Xuân Hùng	1986	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
33	Nguyễn Huy Thông	1975	` Công ty HH Sợi Tainan	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
34	Phạm Thế Tài	1965	TTYT Nhơn Trạch	Đo hoàn chỉnh	Lao nghề nghiệp
35	Trần Chí Dũng	1983	Công ty Vitco	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
36	Lê Anh Tuấn	1975	Xí nghiệp Cao su	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
37	Phan Văn Huỳnh	1966	Xí nghiệp Cao su	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
38	Nguyễn Cao Minh	1970	Xí nghiệp Cao su	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
39	Nguyễn Cao Lương	1977	Xí nghiệp Cao su	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
40	Nguyễn Thanh Phúc	1983	Xí nghiệp Cao su	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
41	Lương Thanh Lộc	1976	Xí nghiệp Cao su	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
42	Trần Thành Tài	1971	Xí nghiệp Cao su	Đo hoàn chỉnh	Điếc nghề nghiệp
43	Lê Chung Thủy	1962	BVĐK Long Thành	Đo hoàn chỉnh	Viêm gan vi rút C nghề nghiệp
44	K'Soan	1983	BVĐK Long Thành	Đo hoàn chỉnh	Lao nghề nghiệp
45	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	1981	BV Phôi Đồng Nai	Đo hoàn chỉnh	Lao nghề nghiệp

X. HUẤN LUYỆN VỀ Y TẾ LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

TT	Nội dung	Số cơ sở lao động được huấn luyện	Số người lao động được huấn luyện	
			Tổng số	Số nữ
I	Tổng hợp từ báo cáo của các cơ sở lao động			
1	Huấn luyện về sơ cấp cứu		19,834	10,386
2	Huấn luyện về an toàn lao động		71,930	46,324
3	Huấn luyện lực lượng sơ cứu		4,235	1,962
4	Các nội dung huấn luyện khác		10,663	2,676
	(Ghi cụ thể)....			
II	Các hoạt động do đơn vị y tế tuyến tỉnh và tuyến huyện triển khai			
1	Huấn luyện chuyên môn kỹ thuật về vệ sinh lao động	18	354	202
2	Huấn luyện chuyên môn về quản lý sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp	18	354	202
3	Huấn luyện chuyên môn kỹ thuật về sơ cứu, cấp cứu	35	1151	477
4	Huấn luyện nâng cao sức khỏe nơi làm việc, dinh dưỡng, ATVSTP, phòng chống dịch tại nơi làm việc	24	482	233
5	Huấn luyện cấp chứng chỉ y tế lao động	0	0	0
	Tổng cộng	95	2341	1114

X. BÁO CÁO CÁC TRƯỜNG HỢP TAI NẠN LAO ĐỘNG ĐƯỢC KHÁM, ĐIỀU TRỊ TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (KBCB)

Số cơ sở KBCB báo cáo/Tổng số cơ sở KBCB trên địa bàn ____ / ____

1. Danh sách các trường hợp tai nạn lao động được khám, điều trị tại cơ sở KBCB

TT	Họ và tên	Tuổi	Giới		Ngày bị tai nạn	Nghề nghiệp	Bộ phận bị tổn thương	Được sơ cứu tại chỗ		Phương tiện chuyển đến cơ sở KBCB	Thời gian điều trị	Kết quả điều trị			Ghi chú
			Nam	Nữ				Có	Không			Khỏi	Khỏi, để lại di chứng	Tử vong	
1	Không														

2. Phân loại các trường hợp tai nạn lao động theo việc sơ cứu, cấp cứu và điều trị

TT	Cơ sở KBCB	Số trường hợp TNLD được sơ cứu tại chỗ trước khi chuyển đến cơ sở KBCB	Số người lao động khám, điều trị tại cơ sở KBCB				Ghi chú
			Tổng số	Khỏi	Khỏi, để lại di chứng	Tử vong	
1	-						
...	-						

3. Tổng hợp các trường hợp tai nạn lao động

TT	Nội dung	Số người	Ghi chú
1	Người lao động được sơ cứu, cấp cứu (không phải điều trị tại cơ sở KBCB)	-	Số liệu thống kê không tính trùng các trường hợp sơ cứu, cấp cứu, điều trị lại nhiều cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
2	Người lao động được điều trị lần đầu trong năm đối với 1 vụ tai nạn*	-	
3	Số người bị tai nạn lao động đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	-	

** Với mỗi trường hợp bị tai nạn lao động, chỉ ghi nhận lần khám, điều trị đầu tiên tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với vụ tai nạn lao động đó*

XI. KINH PHÍ CHI TRẢ CHO CÔNG TÁC VỆ SINH LAO ĐỘNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG (số liệu của TTYT huyện, thành phố và các cơ sở lao động báo cáo)

TT	Nội dung hoạt động	Số tiền	Ghi chú
1	Khám sức khỏe định kỳ	16,645,793,424	
2	Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	1,683,526,000	
3	Khám định kỳ bệnh nghề nghiệp	2,728,682,900	
4	Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động	3,993,407,000	
5	Huấn luyện sơ cứu, cấp cứu	736,283,000	
6	Quan trắc môi trường lao động	1,624,403,340	
7	Bồi thường tai nạn lao động	321,114,413	
8	Bồi thường bệnh nghề nghiệp	0	
9	Chi phí điều trị các bệnh thông thường tại CSLĐ	1,403,983,999	
10	Chi phí liên quan khác	2,482,744,438	
	<i>Tổng cộng</i>	31,619,938,514	

XII. BÁO CÁO QUẢN LÝ CƠ SỞ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG, KHÁM BỆNH NGHỀ NGHIỆP, HUẤN LUYỆN Y TẾ LAO ĐỘNG VÀ SƠ CỨU, CẤP CỨU (Chỉ áp dụng đối với Sở Y tế)

1. Danh sách các tổ chức thực hiện quan trắc môi trường lao động trên địa bàn

TT	Tên cơ sở công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động	Địa chỉ, Điện thoại, Fax	Số lượng cán bộ	Số CSLĐ thực hiện quan trắc MTLĐ trong kỳ báo cáo	Nhận xét
1.	Trung tâm Bảo Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	P. Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai	307	165	Giám so với cùng kỳ
2.	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom	KP 5, TT. Trảng Bom, Đồng Nai	-	05	-
3.	Trung tâm Y tế huyện Long Thành	Khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, H.Long Thành (số liệu 9 tháng)	-	19	-
4.	Trung tâm Y tế Tp Biên Hòa	Phạm Văn Thuận, Biên Hòa, Đồng Nai	-	10	-

TT	Tên cơ sở công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động	Địa chỉ, Điện thoại, Fax	Số lượng cán bộ	Số CSLĐ thực hiện quan trắc MTLĐ trong kỳ báo cáo	Nhận xét
5.	Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Đông Sài Gòn VSLĐ	Số 1A, tỉnh lộ 16, xã Hóa An, Biên Hòa, Đồng Nai			-
6.	Công ty TNHH Thiện Phúc Bùi Lê	P. An Bình, Biên Hòa			
7.	Công ty TNHH Bệnh Viện đa khoa quốc tế Long Bình	P.Long Bình, Biên Hòa			
8.	Phòng khám Hoàng Anh Đức	P.Long Bình, Biên Hòa			
9.	Công ty TNHH phòng khám đa khoa An Phúc Sài Gòn	số 2368, xã Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai			
10.	Công ty TNHH Bách Việt Đồng Nai	Số 17, tổ 6, khu phố 6, phường Tam Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai	-	-	-
11.	Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Tam Đức	Số 528/15, xa lộ Hà Nội, khu phố 4, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai	-	-	-

2. Danh sách cơ sở khám bệnh nghề nghiệp trên địa bàn

TT	Tên cơ sở đủ điều kiện khám bệnh nghề nghiệp	Địa chỉ liên hệ, Điện thoại, Fax	Số lượng cán bộ	Số cơ sở lao động thực hiện khám BNN trong kỳ báo cáo	Nhận xét
1	Trung tâm Bảo Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	P. Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai	307	59	Giám so với cùng kỳ
2	Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất	P. Tân Biên, Biên Hòa,			

		Đồng Nai			
3	Công ty TNHH phòng khám đa khoa Đông Sài Gòn VSLĐ	địa chỉ: số 1A, tỉnh lộ 16, xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	-	-	-
4	Công ty TNHH Bệnh Viện đa khoa quốc tế Long Bình	P.Long Bình, Biên Hòa	-	-	-
5	Phòng khám Hoàng Anh Đức	P.Long Bình,Biên Hòa	-	-	-
6	Công ty TNHH phòng khám đa khoa An Phúc Sài Gòn	số 2368, xã Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	-	-	-
7	Phòng khám đa khoa Sài Gòn Tam Phước,		-	-	-
8	Phòng khám Lê Thiện Nhân		-	-	-
9	Phòng khám Tam Đức		-	-	-

3. Danh sách tổ chức huấn luyện y tế lao động, sơ cứu, cấp cứu trên địa bàn

TT	Tên tổ chức huấn luyện y tế lao động, sơ cứu, cấp cứu	Địa chỉ liên hệ, Điện thoại, Fax	Số lượng cán bộ	Số cơ sở lao động đã huấn luyện về y tế lao động, sơ cứu, cấp cứu	Nhận xét
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	P. Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai	307	59	Giảm so với cùng kỳ
2	Trung tâm Y tế TP Biên Hòa				
3	Trung tâm Y tế huyện Tân Phú				
4	Trung tâm Y tế Định Quán				
5	Trung tâm Y tế Thống Nhất				
6	Trung tâm Y tế Trảng Bom				
7	Trung tâm Y tế Tp Long Khánh				
8	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ				

9	Trung tâm Y tế Nhơn Trạch				
10	Trung tâm Y tế Xuân Lộc				
11	Trung tâm Y tế Long Thành				
12	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu				
Tổng cộng					

XIII. CÁC HOẠT ĐỘNG Y TẾ LAO ĐỘNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ

1. Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện kế hoạch đã phê duyệt và giao chỉ tiêu cho các đơn vị thực hiện năm 2020;

Tăng cường công tác quản lý các cơ sở y tế lao động trên địa bàn tỉnh, tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật vệ sinh lao động.

2. Thông tin giáo dục truyền thông

- Hoạt động hưởng ứng tháng hành động Quốc gia ATVSLĐ

Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động năm 2020:

Xây dựng kế hoạch chỉ đạo các đơn vị triển khai Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2020 trên địa bàn tỉnh;

Chỉ đạo các đơn vị: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai; các Trung tâm Y tế huyện, Tp, các cơ sở lao động triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2020;

Phối hợp các ban, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền về Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2020;

- Làm tốt công tác truyền thông phòng chống Bệnh nghề nghiệp (trong Tháng hành động an toàn vệ sinh lao động)

- Tổng hợp báo cáo số liệu các hoạt động hưởng ứng tuần lễ quốc gia Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động năm 2020 và đề xuất Bộ Y tế khen thưởng theo qui định.

- Tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về vệ sinh lao động: Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai huấn luyện sơ cứu, cấp cứu cho 59 doanh nghiệp với 2483 học viên.

3. Tổ chức giao ban với tuyến dưới

3.1. Tổng hợp kết quả thực hiện của tuyến huyện

Nội dung báo cáo	Cơ sở lao động	Trạm y tế xã/ phường/ thị trấn
Số cơ sở lao động/ trạm y tế tham dự giao ban	Vĩnh Cửu (4 cơ sở)	TTYT huyện Xuân Lộc (15 trạm y tế). TTYT huyện Cẩm Mỹ (14 trạm y tế), TTYT Vĩnh Cửu (12 trạm y tế), TTYT Long Khánh (15 trạm y tế)
Nội dung giao ban	Triển khai văn bản pháp luật, giải đáp các thắc mắc về công tác vệ sinh lao động Hợp đồng y tế doanh nghiệp, khám sức khỏe định kỳ, tập huấn sơ cấp cứu (TTYT Vĩnh Cửu)	Triển khai tháng hành động về năm 2020 - Thống kê số doanh nghiệp trên địa bàn, triển khai tháng hành động ATVSLĐ năm 2020, Khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên y tế, quan trắc môi trường lao động (TTYT Vĩnh Cửu) - Báo cáo công tác YTLD năm 2019 và triển khai kế hoạch năm 2020, Triển khai kế hoạch tháng hành động về ATVSLĐ năm 2020, Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona(TTYT Long Thành)
Đề xuất, kiến nghị		Cấp kinh phí để triển khai hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ hàng năm(TTYT Long Thành)

4. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp trong kỳ báo cáo của Trung tâm kiểm soát Bệnh tật và 11 Trung tâm y tế huyện, thành phố.

Tình hình thanh tra/ kiểm tra		Ghi chú
Tổng số cơ sở lao động được thanh tra/ kiểm tra	Số cơ sở lao động có yếu tố có hại được thanh tra/ kiểm tra	
76	23	

5. Các hoạt động khác

5.1 Chương trình phòng chống bệnh nghề nghiệp:

- Tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng và giám sát 02 mô hình Phòng chống bệnh nghề nghiệp tại Bệnh viện Long Thành, Công ty Uraiphanich; Tổng số mô hình hiện tại thực hiện được là 14 mô hình phòng chống bệnh nghề nghiệp về các bệnh như: bệnh bụi phổi Amiang, bụi phổi Silic, đái tháo đường nghề nghiệp, Viêm gan virus nghề nghiệp, lao nghề nghiệp, bệnh nhiễm độc chì vô cơ nghề nghiệp, bệnh da nghề nghiệp do tiếp xúc với môi trường ẩm ướt và lạnh kéo dài.

- In và cấp phát tờ rơi Phòng chống bệnh nghề nghiệp cho các Trung tâm y tế huyện và tỉnh.

5.2. Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn

1. Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai:

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết năm 2020 trình Sở Y tế phê duyệt.
- Giám sát việc lập kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng mô hình “Trường học an toàn” phòng, chống tai nạn thương tích của 11 Trung tâm Y tế.
- Tham gia đoàn liên ngành giám sát, hướng dẫn thẩm định Cộng đồng an toàn TT Gia Ray - huyện Xuân Lộc, xã Long Phước – huyện Long Thành.
- Tham gia giám sát và chỉ đạo tuyến cho 11 Trung tâm Y tế trong việc xây dựng mô hình và duy trì cộng đồng an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích.
- Thống kê, tổng hợp số liệu tai nạn thương tích hàng tháng, quý, năm.

2. Trung tâm Y tế huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa:

- Tham mưu UBND huyện, thành phố kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng cộng đồng an toàn lồng ghép trong Ban chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.
- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện mô hình cộng đồng an toàn mới tại 07 xã/phường/thị trấn: xã Hàng Gòn – TP. Long Khánh, xã Hiếu Liêm – huyện Vĩnh Cửu, xã Phú Thanh – huyện Tân Phú, xã Ngọc Định – huyện Định Quán, phường Tân Mai – TP. Biên Hòa, TT Gia Ray - huyện Xuân Lộc và xã Long Phước - Long Thành.
- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện duy trì cộng đồng an toàn tại 05 xã: xã Xuân Đường – huyện Cẩm Mỹ, xã Phước Khánh – huyện Nhơn Trạch, xã Đông Hòa – Huyện Trảng Bom, xã Long An – huyện Long Thành; xã Bàu Hàm II - huyện Thống Nhất.
- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện công nhận cộng đồng an toàn tại TT Gia

Ray-huyện Xuân Lộc, xã Long Phước – huyện Long Thành.

XI. ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Đánh giá về tình hình thực hiện công tác vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp trên địa bàn

1.1 Về nhân lực và thiết bị: Mạng lưới cán bộ làm công tác y tế lao động của ngành y tế còn thiếu và hạn chế về chuyên môn, cán bộ làm công tác y tế lao động tuyến huyện chủ yếu là kiêm nhiệm biên chế mỗi huyện chỉ có từ 2-8 cán bộ, trang thiết bị còn thiếu ở 1 số đơn vị;

1.2 Công tác quản lý các cơ sở lao động trên địa bàn tỉnh: Đồng Nai có 32 khu công nghiệp đang hoạt động, đến nay ngành y tế chủ yếu chỉ quản lý được các cơ sở nằm trong các khu công nghiệp và các cơ sở lao động lớn ngoài khu công nghiệp. Chưa quản lý được hết các cơ sở vừa và nhỏ nằm trong khu dân cư;

Năm 2020, công tác y tế lao động triển khai còn nhiều hạn chế do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 dẫn đến cách ly xã hội nên các doanh nghiệp tập trung nhiều cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và ổn định các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.3 Công tác thanh, kiểm tra việc thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người lao động tại các cơ sở lao động còn hạn chế do lực lượng thanh tra mỏng, địa bàn rộng, các cơ sở lao động nhiều;

1.4 Công tác thống kê báo cáo:

- Đa số cơ sở lao động trên địa bàn tỉnh mà ngành y tế quản lý chưa báo cáo hoạt động y tế lao động theo quy định;

- Các đơn vị y tế khác như: y tế bộ, ngành, các phòng khám đa khoa tư nhân, các đơn vị có chức năng của các tỉnh thành lân cận triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chưa thực hiện gửi báo cáo thống kê theo quy định.

2. Kiến nghị

- Tăng cường sự phối hợp, liên kết trong việc thực hiện công tác Y tế lao động; duy trì và mở thêm các lớp bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức bệnh nghề nghiệp, vệ sinh lao động cho tuyến tỉnh và tuyến huyện; cán bộ làm công tác y tế tại các doanh nghiệp.

- Tăng cường quản lý nhà nước về công tác y tế lao động tại các doanh nghiệp; các đơn vị thực hiện công tác y tế lao động.

- Các cơ sở thực hiện báo cáo y tế lao động theo mẫu quy định tại phụ lục 8 kèm theo thông tư 19/2016/TT-BYT.

Trên đây báo cáo công tác Y tế lao động năm 2020. Sở Y tế Đồng Nai báo cáo Cục Quản lý môi trường được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục QLMT-BYT (báo cáo);
- BGĐ Sở Y tế (báo cáo);
- Website SYT;
- Lưu: VT, NV.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quang Trung

1. Kết quả quan trắc các yếu tố Vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, rung, hơi khí độc, điện từ trường, yếu tố khác.

Phụ lục 1: Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Đồng Nai: 165 cơ sở

TT	TÊN CƠ SỞ	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc	Ngày thực hiện	Nhiệt độ		Độ ẩm		T. độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		Hơi khí độc		Điện từ trường		Y.tố khác	
					1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
1	Cty TNHH SP CN Toshiba Asia (PL)			7/1/2020	4	0	4	0	4	0												
2	Cty TNHH SP CN Toshiba Asia (BS)			7/1/2020	2	0	2	0	2	0	2	0	11	3			2	0	2	0		
3	Công ty TNHH Ojtex Việt Nam	487	353	13/1/2020	44	2	44	0	44	0	44	0	33	30			11	0	8	0		
4	Congo ty Ampharco	139	109	15/1/2020	23	0	23	0	23	0	23	8	9	4			11	0				
5	TT Giám định y khoa	17	17	18/2/2020	6	0	6	0	6	0	7	0	2	0			3	0			2	1
6	Cty Tentac (PL)			20/2/2020									4	2								
7	TT Kiểm soát bệnh tật - CS3			12/2/2020	5	0	5	0	5	0	10	0	5	0			5	0				
8	CÔNG TY TNHH KUMKANG VINA	18	15	24/2/2020	8	0	8	0	8	0	8	5	4	3		2	0					
9	Cty TNHH Grobest Industrial VN	857		25/2/2020	49	5	49	0	49	0	49	14	34	22			20	0	3	0		
10	CÔNG TY TNHH GROBEST LANDFOUND			26/2/2020	16	1	16	0	16	0	17	5	7	4			10	0	2	0		
11	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM NISSHIN SEIFUN	346	276	27/2/2020	27	3	27	0	27	0	27	2	11	3		11	3	28	0			
12	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610 TẠI PHƯỚC TÂN	106		28/2/2020	10	2	10	0	10	0	4	0	9	2			4	0				
13	cty Nestle BH2 (bs bụi)			27/2/2020																		
14	Công ty Global Dyeing	1530	440	4/3/2020	102	0	102	0	102	0	90	0	53	1			29	0	1	0		

TT	TÊN CƠ SỞ	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc	Ngày thực hiện	Nhiệt độ		Độ ẩm		T. độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		Hơi khí độc		Điện từ trường		Y.tổ khác	
					1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
15	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Thanh Phú	122		10/3/2020	15	0	15	0	15	0	5	0	13	2			2	0				
16	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Tân Cang	134		12/3/2020	14	1	14	0	14	0	12	0	14	4			3	0				
17	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Thiện Tân	113	35	11/3/2020	18	1	18	0	18	0	12	0	21	6			3	0				
18	Cty VLXD BH - Trung tâm DVXD&VLXD	35		11/3/2020	3	1	3	0	3	0	1	1	3	2								
19	Cty VLXD BH - XN Kỹ thuật sửa chữa	72		10/3/2020	2	0	2	0	2	0	1	0	6	2			1	0				
20	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Soklu	73		12/3/2020	15	0	15	0	15	0	6	0	19	0			3	0				
21	Cty Ava	219	41	17/3/2020	35	15	35	0	35	0	34	3	18	9			9	0	1	0		
22	Cty TNHH TPC Vina	174		25/3/2020	24	10	24	0	24	0	16	2	6	5			19	0	3	0		
23	Cty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam-VT Gas	60	28	5/5/2020	11	9	11	0	11	0	10	0	8	7			3	0				
24	Cty TNHH Việt Nam Nisshin Technomic	89	26	5/5/2020	18	0	18	0	18	0	29	2	10	3			21	0	4	0		
25	PL cty Sản phẩm máy tính Fujitsu			6/5/2020									3	3			1	0				
26	Pl cty TNHH Tiger Việt Nam			12/5/2020																		
27	BS Cty TNHH Thực phẩm Ava			12/5/2020	1	1	1	0	1	0	1	0					3	0				
28	Cty TNHH Silk Việt Nam	134	28	8/5/2020	20	4	20	0	20	0	20	0	9	3			13	0	2	0		
29	Cty TNHH Polymeric Product V-H Việt Nam	140	98	19/5/2020	12	5	12	0	12	0	12	7	7	4			5	0				
30	Cty TNHH Shiseido Việt Nam	930	703	21/5/2020	22	0	22	0	22	0	24	0	9	0			20	0	1	0		
31	Cty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam			27/5/2020																		
32	Cty TNHH Mỹ Phẩm LG	133	94	28/5/2020	26	0	26	0	26	0	26	0	13	1			5	0				
33	Công TNHH Nippon Paint Việt Nam	183		3/6/2020	25	0	25	0	25	0	13	0	6	2			18	0				
34	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 4	658	501	2/6/2020	35	0	35	0	35	0	35	0	16	1			55	0	2	0		

TT	TÊN CƠ SỞ	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc	Ngày thực hiện	Nhiệt độ		Độ ẩm		T. độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		Hơi khí độc		Điện từ trường		Y.tổ khác	
					1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
35	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 5	205	205	2/6/2020	25	0	25	0	25	0	29	0	9	1			15	0				
36	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 2	1447	1300	1/6/2020	40	0	40	0	40	0	42	0	20	0			24	0				
37	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 6	921	774	3/6/2020	79	0	79	0	79	0	80	0	27	3			37	0	1	0		
38	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2 (CPC)	21	14	5/6/2020	5	0	5	0	5	0	5	0	2	2			1	0				
39	Khu sản xuất Tiến Nga - Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2	190	154	5/6/2020	12	0	12	0	12	0	12	0	6	5			3	0				
40	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2	358	305	4/6/2020	17	0	17	0	17	0	17	0	11	7			5	0				
41	Cty TNHH Thép SeAh Việt Nam	314	220	8/6/2020	42	27	42	0	42	0	42	2	40	38			30	2				
42	Cty TNHH Việt Nam Wacoal 110	1797	1717	4/6/2020	28	0	28	0	28	0	18	0	12	0			7	0				
43	Cty TNHH Việt Nam Wacoal 58	635	605	4/6/2020	16	0	16	0	16	0	16	0	9	0			3	0				
44	Cty TNHH Map Pacific Singapore	168	80	17/6/2020	20	0	20	0	20	0	20	8	5	0			4	0	2	0		
45	Cty TNHH Center Powertech	1362	1200	18/6/2020	85	10	85	0	85	0	81	10	52	12			44	7	6	0	1	0
46	Cty TNHH Suheung Việt Nam	350	280	19/6/2020	14	0	14	0	14	0	15	0	7	3			7	0				
47	Cty TNHH Việt Nam NOK	1654	1211	16/6/2020	41	0	41	0	41	0	41	2	29	17			10	0				
48	Bổ sung tiếng ồn Cty TNHH Nestle Việt Nam			12/6/2020									8	5								
49	Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai	144	43	24/6/2020	21	0	21	0	21	0	20	9	9	0			21	0				
50	Cty TNHH PPG Việt Nam	41	19	24/6/2020	8	0	8	0	8	0	8	8	5	0			9	0				
51	Cty TNHH May Đồng Phú Cường CS2	1530	1327	1/7/2020	52	0	52	0	52	0	51	0	42	0			5	0				
52	Cty Cổ phần May Đồng Phú Cường CS1	2959	2620	2/7/2020	58	0	58	0	58	0	58	0	46	0			4	0				
53	Cty TNHH Hong Won Vina	165	135	1/7/2020	26	0	26	0	26	0	26	0	17	6			12	0	2	0		

TT	TÊN CƠ SỞ	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc	Ngày thực hiện	Nhiệt độ		Độ ẩm		T. độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		Hơi khí độc		Điện từ trường		Y.tổ khác	
					1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
54	Cty Cổ phần Bibica	496		3/7/2020	36	4	36	0	36	0	36	12	28	16			14	0	1	0		
55	Cty Cổ phần Gas Việt Nhật	127	46	7/7/2020	14	0	14	0	14	0	8	0	8	1			7	0	2	0		
56	Cty TNHH Vopak Việt Nam	69	38	7/7/2020	10	5	10	0	10	0	7	1	5	3			5	0				
57	UBND tỉnh Đồng Nai (Tiếng ồn)			3/7/2020									8	0								
58	Cty TNHH Advanced Multitech (Việt Nam)	2686		8/7/2020	56	1	56	0	56	0	102	0	28	16	13	0	12 2	1	3	0	3	1
59	Phụ lục Cty TNHH Marigot Việt Nam			13/7/2020	3	3	3	0	3	0	5	0	11	10			3	0				
60	Cty TNHH Khang Thành - NM1	34	31	10/7/2020	6	0	6	0	6	0	7	0	4	1			7	0				
61	Cty TNHH Syngenta Việt Nam	142	88	15/7/2020	24	0	24	0	24	0	24	0	12	0			10	0				
62	Cty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Dielac	313	182	15/7/2020	49	4	49	0	49	0	49	0	35	25			11	0				
63	Cty TNHH FC Việt Nam	307	238	16/7/2020	17	0	17	0	17	0	21	0	8	2			9	0	4	0		
64	Chi nhánh Cty Cổ phần Hóa An tại Biên Hòa	17	2	29/7/2020	5	0	5	0	5	0	5	1	3	0			3	0				
65	Chi nhánh Cty Cổ phần Hóa An tại Vĩnh Cửu	36		30/7/2020	8	0	8	0	8	0	8	0	6	2			3	0				
66	Chi nhánh Cty Cổ phần Hóa An tại Bình Phước	21		31/7/2020	7	0	7	0	7	0	5	3	4	2			5	0				
67	PKĐK Sài Gòn Tâm Trí			5/8/2020	20	0	20	0	20	0	20	0	10	0			11	0				
68	Cty TNHH Việt Nam Center Powertech (phụ lục)			13/8/2020	10	0	10	0	10	0	10	0	13	4			7	7				
69	Bệnh viện Da liễu	79	79	14/8/2020	32	0	32	0	32	0	31	6	2	0			16	0			7	0
70	Cty TNHH Aureolefine Chemical Products	47	18	17/8/2020	10	0	10	0	10	0	10	0					10	0	2	0		
71	Cty TNHH NS Bluescope Lysaght Việt Nam	47	20	17/8/2020	13	0	13	0	13	0	14	0	10	5			17	0	2	0		
72	Cty TNHH Plus One Sports	1998	1951	18/8/2020	50	9	50	0	50	0	51	0	36	22			32	5	2	0		
73	Cty TNHH Sojitz Việt Nam	45	12	19/8/2020	9	0	9	0	9	0	11	0	4	0			8	0	3	0		

TT	TÊN CƠ SỞ	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc	Ngày thực hiện	Nhiệt độ		Độ ẩm		T. độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		Hơi khí độc		Điện từ trường		Y.tổ khác	
					1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
74	Cty TNHH Fashy (Viễn Đông)	223	173	20/8/2020	13	0	13	0	13	0	13	0	8	4			5	0				
75	Cty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam	3383	2301	24/8/2020	195	28	195	0	195	0	241	0	87	26	13	0	33	4	5 4	0	1	0
76	Cty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam	2120	1743	28/8/2020	44	0	44	0	44	0	52	0	35	2			9	0				
77	Cty Cổ phần Cao su Hàng Gòn	53	29	31/8/2020	10	0	10	0	10	0	5	0	7	2			8	0				
78	Cty TNHH 3M Việt Nam	24	20	1/9/2020	8	1	8	0	8	0	10	3	3	2			4	0				
79	Cty TNHH Harvest Garment Việt Nam	220		4/9/2020	10	0	10	0	10	0	12	0	6	1			2	0	2	0		
80	Cty TNHH Urai Phanich (VN)	105	95	7/9/2020	18	0	18	0	18	0	18	15	10	5			15	0				
81	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đồng Nai (CS1)	288		3/9/2020	78	0	78	0	78	0	77	21	15	3			79	0				
82	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đồng Nai (CS2)	76	43	1/9/2020	25	0	25	0	25	0	25	17	25	0			23	0				
83	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đồng Nai (CS3)	309		4/9/2020	28	0	28	0	28	0	28	18	7	1			31	0				
84	Cty sản phẩm máy tính Fujitsu Việt Nam TNHH	1444	1199	8/9/2020	63	0	63	0	63	0	63	0	30	4			48	0	3	0		
85	CN Tổng Cty Tin Nghĩa Công ty TNHH - Trạm Xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Trạch 3	23	9	8/9/2020	13	0	13	0	13	0	8	3	5	0			14	0	1	0		
86	CN Tổng Cty Tin Nghĩa Công ty TNHH - Trạm Xử lý nước thải tập trung KCN An Phước	12	4	8/9/2020	5	0	5	0	5	0	5	1	1	0			7	0				
87	Cty TNHH Nuplex Resins (Việt Nam)	177	100	10/9/2020	20	1	20	0	20	0	20	6	14	1			15	0	2	0		
88	CN Tổng Cty Tin Nghĩa Công ty TNHH - Trạm Xử lý nước thải tập trung KCN Tân Phú	4	4	11/9/2020	6	3	6	0	6	0	7	1	3	1			8	0	1	0		
89	Cty TNHH Texma Vina	900	856	15/9/2020	30	0	30	0	30	0	15	0	10	0			6	0				
90	Cty TNHH Sản phẩm công nghiệp Toshiba Asia	743	604	16/9/2020	38	10	38	0	38	0	35	3	19	17			37	3	2	0	3	3
91	Chi nhánh Cty Cổ phần Công nghiệp Nhựa Phú Lâm	555	349	17/9/2020	35	0	35	0	35	0	36	0	21	1			36	0	3	0		
92	Cty TNHH Advanced Multitech (VN)	2686		17/9/2020											13	0	1	0				
93	Cty TNHH Khang Thành - NM2	129	74	10/7/2020	13	0	13	0	13	0	12	0	8	2			5	0				

TT	TÊN CƠ SỞ	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc	Ngày thực hiện	Nhiệt độ		Độ ẩm		T. độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		Hơi khí độc		Điện từ trường		Y.tổ khác	
					1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
94	Cty TNHH Bao Bì Việt Long	361	263	5/3/2020	36	0	36	0	36	0	35	3	20	11			22	0	6	0		
95	Cty TNHH MTV Cơ khí xăng dầu Đồng Nai	154		18/9/2020	24	1	24	0	24	0	24	0	16	8			12	0				
96	Cty Dây đồng Việt Nam CFT	88	34	23/9/2020	15	1	15	0	15	0	13	2	10	5			7	0			1	1
97	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Hạt dẻ)	93	82	24/9/2020	26	7	26	0	26	0	26	6	13	8			22	0				
98	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Hạnh nhân B7)	112	56	24/9/2020	18	1	18	0	18	0	18	5	9	8			9	0				
99	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Hạnh nhân B8)	51	35	24/9/2020	12	3	12	0	12	0	12	0	6	4			3	0				
100	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Ốc chó)	60	50	24/9/2020	17	0	17	0	17	0	17	2	5	4			13	0				
101	Cty TNHH Tayca (Việt Nam)	33	13	25/9/2020	12	3	12	0	12	0	10	0	5	2			10	0	3	0		
102	Cty TNHH NS Bluescope Lysaght Việt Nam			29/9/2020																		
103	Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai	853		30/9/2020	168	0	168	0	168	0	168	56	30	10			59	0			1	0
104	Trung Tâm Y tế Huyện Xuân Lộc	456		1/10/2020	117	0	117	0	117	0	121	13	9	5			47	0	2	0		
105	Cty TNHH Nestle Việt Nam - Nhà máy Trị An	227		6/11/2020	106	34	106	0	106	1	107	9	79	23	1	0	76	0				
106	Cty TNHH Belmont Manufacturing	92	32	9/10/2020	11	0	11	0	11	0	14	1	3	3			10	0	2	0		
107	Cty Cổ phần Kim loại CSGT Việt Nam	115	75	11/10/2020	15	0	15	0	15	0	15	8	8	3			4	0				
108	Cty TNHH May mặc Toptex	529	307	12/10/2020	36	0	36	0	36	0	36	0	14	0			5	0				
109	Cty TNHH Công nghiệp Elma Việt Nam	260	137	13/10/2020	15	0	15	0	15	0	15	4	12	9			6	0				
110	Cty TNHH Vina	417	239	14/10/2020	25	0	25	0	25	0	23	11	9	4			6	0				
111	Cty Cổ phần Gạch men VTC	1128	899	15/10/2020	45	13	45	0	45	0	36	7	23	22			15	0	2	0		
112	Cty TNHH Nestle Việt Nam (Nhà máy Bình An)	355	203	19/10/2020	61	1	61	0	61	0	69	0	30	6	1	0	37	0	5	0		

TT	TÊN CƠ SỞ	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc	Ngày thực hiện	Nhiệt độ		Độ ẩm		T. độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		Hơi khí độc		Điện từ trường		Y.tổ khác	
					1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
113	Cty CP Phân bón và hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	1	1	20/10/2020	7	0	7	0	7	0	7	1	1	0			11	0				
114	Cty TNHH Dah Sheng Việt Nam	568	410	20/10/2020	25	0	25	0	25	0	26	6	12	6			8	1	1	0		
115	Cty TNHH Nestle Việt Nam (Biên Hòa 2)			21/11/2020																		
116	Cty TNHH Tentac (Hồ Chí Minh)	241	195	22/10/2020	14	0	14	0	14	0	14	0	7	3			7	0	1	0		
117	Cty TNHH Dược phẩm E.B.C Giang Điền	54	35	23/10/2020	12	0	12	0	12	0	12	6	4	2			9	0				
118	Cty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa - Nhà máy Long Thành	254		26/10/2020	22	1	22	0	22	0	22	0	12	6			9	0	2	0		
119	Cty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa - Nhà máy Café DeNam	4	0	26/10/2020	3	0	3	0	3	0	4	0	3	1			4	0	1	0		
120	Cty Cổ phần dịch vụ Sonadezi	227	156	27/10/2020	71	5	71	0	71	0	44	0	22	1			97	0	1 3	0		
121	Cty TNHH Tenma (HCM) Việt Nam	578	383	02/11/2020	36	0	36	0	36	0	31	0	18	4			17	0				
122	Trung tâm Kiểm nghiệm tinh Đồng Nai	31		02/11/2020	12	0	12	0	12	0	14	4	2	0			26	0				
123	Cty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	257		03/11/2020	23	0	23	0	23	0	25	0	15	10			16	0				
124	Cty CP XNK Y tế Domesco - CN Miền Đông	45	45	03/11/2020	7	0	7	0	7	0	7	1	7	0			7	0				
125	Cty Hữu hạn Sợi Tainan (Việt Nam)	3027	2824	04/11/2020	80	34	80	0	80	0	30	29	60	58			14	0				
126	Cty TNHH Sợi Long Thái Từ	1000	720	05/11/2020	54	28	54	0	54	0	50	47	40	32			14	0				
127	Cty Hữu hạn Sợi Tainan (Việt Nam) - Kho Bông	17		05/11/2020	7	0	7	0	7	0	6	2	1	0			3	0				
128	Cty TNHH Aizaki Việt Nam	51	40	06/11/2020	8	0	8	0	8	0	12	2	5	3			7	0				
129	Cty TNHH Nestle Việt Nam - Nhà máy Trị An	227		06/11/2020	106	34	106	0	106	1	107	9	79	23	1	0	76	0				
130	Cty TNHH Westlake Compounds Việt Nam			11/11/2020																		
131	Cty TNHH Marigot Việt Nam	1052	978	16/11/2020	59	3	59	0	59	0	80	2	23	10			59	0			3	3

TT	TÊN CƠ SỞ	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc	Ngày thực hiện	Nhiệt độ		Độ ẩm		T. độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		Hơi khí độc		Điện từ trường		Y.tổ khác	
					1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
132	Cty TNHH Dệt Daewon Việt Nam	258		18/11/2020	38	15	38	0	38	0	35	20	15	11			8	0	1	0		
133	Cty TNHH Akzo Nobel Coatings Việt Nam	402	78	19/11/2020	22	0	22	0	22	0	24	0	10	1			37	0				
134	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai (VN) - Kho Saitex	10	9	19/11/2020	4	0	4	0	4	0	4	0	1	0			1	0				
135	Cty TNHH Dongil Engineering Việt Nam	76	70	20/11/2020	17	2	17	0	17	0	17	0	10	3			6	0			1	1
136	Cty TNHH Ansell Vina	878	778	23/11/2020	88	13	88	0	88	0	90	17	42	20			44	0	1 2	0		
137	Cty TNHH Công nghiệp Sơn Nhất Phẩm	20	13	24/11/2020	6	0	6	0	6	0	3	0	2	0			6	0				
138	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ	220		24/11/2020	32	0	32	0	32	0	32	15	7	3			13	0	2	0		
139	Cty Cổ phần Kim loại Comax Việt Nam	48	21	25/11/2020	9	0	9	0	9	0	9	4	8	5			2	0				
140	Cty TNHH Dinh dưỡng Á Châu (VN)			25/11/2020																		
141	Cty TNHH Công nghiệp Fusheng (Việt Nam)	132		26/11/2020	22	0	22	0	22	0	15	7	14	13			14	0				
142	Cty TNHH Bao bì Kaoten (Việt Nam)	87	68	26/11/2020	16	0	16	0	16	0	16	9	11	7			19	0	2	0		
143	Chi nhánh cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2 (KCN An Phước)	201	93	27/11/2020	37	8	37	0	37	0	37	0	12	5			17	0	1	0		
144	Cty TNHH Korea Express Packsimex	190	170	27/11/2020	17	0	17	0	17	0	17	0	8	0			6	0				
145	Cty Cổ phần Diệu Thương	205	155	30/11/2020	29	2	29	0	29	0	29	5	19	6			6	0	1	0		
146	Cty TNHH Y.S.P Việt Nam	58	46	03/12/2020	28	0	28	0	28	0	28	8	5	2	1	1	13	0	1	0		
147	Cty TNHH Fumakilla Việt Nam	355		04/12/2020	26	0	26	0	26	0	26	2	16	13			18	0				
148	Cty TNHH Sitto Việt Nam	42	23	07/12/2020	12	0	12	0	12	0	12	4	4	2			6	0				
149	Cty TNHH Acrowel Vietnam	109	69	08/12/2020	25	0	25	0	25	0	25	2	13	3			12	0	7	0		

TT	TÊN CƠ SỞ	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc	Ngày thực hiện	Nhiệt độ		Độ ẩm		T. độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		Hơi khí độc		Điện từ trường		Y.tổ khác	
					1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
150	Cty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	168		10/12/2020	21	0	21	0	21	0	21	0	2	0			6	0				
151	Cty TNHH Stanbee Asia Vina	75	68	11/12/2020	7	0	7	0	7	0	8	4	3	0			3	0	1	0		
152	Cty TNHH TMS Vina			14/12/2020																		
153	Cty TNHH Doowa			14/12/2020																		
154	Cty TNHH Hempel Việt Nam	41	27	14/12/2020	17	0	17	0	17	0	16	0	5	1			11	4	1	0		
155	Cty CP Dược phẩm Otsuka OPV			15/12/2020																		
156	Cty TNHH Nicca Việt Nam	56	16	16/12/2020	18	0	18	0	18	0	20	1	3	0			14	0				
157	Cty TNHH Hogetsu Việt Nam			21/12/2020																		
158	Cty TNHH Hoá chất và Môi trường Aureole Mitani	30	17	21/12/2020	11	0	11	0	11	0	10	3	3	0			6	0				
159	Cty TNHH Kotobuki Sea			22/12/2020																		
160	Cty TNHH Hòa chất LG Vina			22/12/2020																		
161	Cty TNHH Tohoku Chemical Industrial (Việt Nam)			23/12/2020																		
162	Cty TNHH Tân Phát Tài			23/12/2020																		
163	Cty TNHH Jungwoo Textile Vina			24/12/2020																		
164	Cty TNHH Ajinomoto Việt Nam			25/12/2020																		
165	Cty Hữu Hạn Ốc vít Lâm Viễn			28/12/2020																		

Phụ lục 2: Trung tâm Y tế các huyện, thành phố và doanh nghiệp báo cáo: 153 cơ sở

TT	Tên cơ sở	Tổng số người LĐ	Số người tiếp xúc	Nhiệt độ		Độ ẩm		Tốc độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		HK độc		Phóng xạ		Điện, Từ trường		Yếu tố khác	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
I.	TTYT BIÊN HÒA : 10 CS																						
1	NGÂN HÀNG NN CHI NHÁNH ĐN	18	8	7		7		7		7													
2	TNHH SX ĐI BI 1	80	60	13		13		13		13		8											
3	TNHH SX ĐI BI 2	73	65	21		21		21		21		15											
4	TNHH SX GỖ ĐI BI	26	22	15		15		15		15	4	7	3										
5	TNHH NAXTS VN	128	110	15		15		15		15		10	4										
6	TNHH THÀNH PHÚ PHÁT	650	514	30		30		30		30	2	20											
7	TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG	105	76	30		30		30		30	2	16	6										
8	TTYT BIÊN HÒA	210	187	59		59		59		59	14	14	5										
9	TNHH TOME	26	3	15		15		15		15		6											
10	TNHH SHINHAN VINA	37	18	10		10		10		9		7											
II.	TTYT LONG THÀNH : 19 CS																						
1	CƠ SỞ GIA CÔNG VÔI LT	24	17	7		7		7		7	4	4				4							
2	TNHH TOTAL VN	55	48	8		8		8		8		3				3							
3	TNHH PERFECT VISION	298	257	27		27		27		27	3	12	3			6	1						
4	TNHH XIN GUAN XING	398	361	26	3	26		26		26	8	10	8			13	5						
5	TNHH CADIVI ĐỒNG NAI	240	218	26	6	26		26		26	14	21	8			8							
6	CP ANGEL	150	124	25		25		25		25	7	8				8							
7	TNHH DAE DUK BANK	90	68	11		11		11		11		4				2							
8	TNHH TƯỚNG LAI	32	24	6		6		6		6	2	4				3							
9	TTYT NHƠN TRẠCH	297	243	30		30		30		30	7	12				22							
10	TNHH TOTAL GAS	52	3	7		7		7		7		3	1			6							
11	TNHH UIC	84	66	11		11		11		11		4				9							
12	TNHH CN HÓA CHẤT HAEIN	31	27	8		8		8		8	1	5				9							
13	TNHH SPRINT INC	152	134	26		26		26		26		14				7							

TT	Tên cơ sở	Tổng số người LĐ	Số người tiếp xúc	Nhiệt độ		Độ ẩm		Tốc độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		HK độc		Phóng xạ		Điện, Từ trường		Yếu tố khác	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
14	TTYT LONG THÀNH	55	43	39		39		39		39	14	10				16							
15	TNHH AK VINA	92	71	15		15		15		15		9	6			16	2						
16	TNHH DAEYANG VINA PRECISION	25	21	9		9		9		9		6	3			4							
17	TNHH NAM LONG	141	120	20	4	20		20		20	5	12	3			16	2						
18	TNHH MERCAFE	50	39	11		11		11		11		6	4			4							
19	TNHH MTV ANH LONG	100	84	9		9		9		9	1	4				5							
III.	TTYT NHON TRẠCH: 07 CS																						
1	TNHH GIẤY TUẦN VIỆT	1,269	820	52	9	52		52		52	2	20	2			11	2					2	
2	TNHH KOSTEEL VINA			15		15		15		15		14	7			4						4	
3	TNHH KỸ THUẬT BUENO			50		50		50		50		29											
4	TNHH GẠCH MEN BÁCH THÀNH																						
5	CÔNG PHẦN SY VINA																						
6	TNHH KIRBY ĐÔNG NAM Á																						
7	CÔNG PHẦN PHỐI KHÍ ÁP THẤP DẦU KHÍ VN																						
IV.	TTYT VĨNH CỬU: 07 CS																						
1	TNHH KHANG THÀNH NM1	34		6		6		6		7		4	1			7							
2	TNHH KHANG THÀNH NM2	129		13		13		13		12		8	2			5							
3	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN TẠI VĨNH CỬU	36		8		8		8		8		6	2			3							
4	VLXD BH - XN KHAI THÁC ĐÁ THANH PHÚ	122		15		15		15		5	0	13	2			2							
5	VLXD BH - XN KHAI THÁC ĐÁ THIÊN TÂN	35		18		18		18		12		21	6			3							
6	CPĐT & CN BỬU LONG	52		18		18		18		18	6	13	6			12							
7	TTYT HUYỆN VĨNH CỬU	384		175		175		175		165	2	45	5			87							
V.	TTYT TRẮNG BOM : 05 CS																						
1	CTY CHEN HO	46	39	20		20		20		20		10				6							
2	CTY HO CHANG	190	178	20		20		20		20	2	14				8							

TT	Tên cơ sở	Tổng số người LĐ	Số người tiếp xúc	Nhiệt độ		Độ ẩm		Tốc độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		HK độc		Phóng xạ		Điện, Từ trường		Yếu tố khác	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
3	CTY WELMAR	30	24	12		12		12		12	2	5	2			6							
4	CTY LỤC NHÂN	133	89	20		20		20		20	1	15				8							
5	TTYT TRẮNG BOM	406	402	17	1	17		17		17	6	17				25	17						
VI.	TTYT THỐNG NHẤT: 00 CS																						
VI I	TTYT ĐỊNH QUÁN: 02 CS																						
1	CP ĐỒNG PHÚ CƯỜNG	3,215	3,055	58		58		58		58		92											
2	TNNH MAY ĐỒNG PC	1,496	1,200	52		52		52		51		42				5	1						
VI II	TTYT TÂN PHÚ : 18 CS																						
1	TYT PHÚ LỘC	9	9	5		5		5		5	1	3											
2	TYT PHÚ THỊNH	9	9	5		5		5		5	3	3											
3	TYT TÀ LÀI	10	10	5		5		5		5	1	2											
4	TYT PHÚ LẬP	8	8	6		6		6		6	4	6											
5	TYT TRÀ CỎ	7	7	5		5		5		5	1	3											
6	TYT THỊ TRẦN	8	8	6		6		6		6	1	3											
7	TYT NÚI TƯỢNG	8	8	4		4		4		4	3	3											
8	TYT NAM CÁT TIỀN	7	7	5		5		5		5	4	5											
9	TYT PHÚ ĐIỀN	8	8	5		5		5		5	1	4											
10	TYT ĐẮC LƯA	7	7	6		6		6		6		4											
11	TYT PHÚ LÂM	9	9	5		5		5		5	3	3	2										
12	TYT THANH SƠN	5	5	5		5		5		5		3											
13	TYT PHÚ SƠN	9	9	5		5		5		5	2	4											
14	TYT PHÚ AN	7	7	5		5		5		5	4	3											
15	TYT PHÚ TRUNG	7	7	5		5		5		5	1	3											
16	TYT PHÚ BÌNH	8	8	5		5		5		5		3											

TT	Tên cơ sở	Tổng số người LĐ	Số người tiếp xúc	Nhiệt độ		Độ ẩm		Tốc độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		HK độc		Phóng xạ		Điện, Từ trường		Yếu tố khác	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
17	TYT PHÚ XUÂN	7	7	5		5		5		5	3	3											
18	TYT PHÚ THANH	7	7	5		5		5		5	3	4											
IX.	TTYT LONG KHÁNH: 00 CS																						
X.	TTYT CẨM MỸ: 18 CS																						
	XN CHẾ BIẾN MỦ CAO SU CẨM MỸ	73	12	4	2	4		4		4		4				20							
	TNHH HUY MINH	41	2	6	2	6		6		6		8				6							
	13 TRẠM Y TẾ	106	2	43		43		43	22	43	23	43	6										
	TNHH FASHION GARMENT 2	577	18																				
	TTYT CẨM MỸ	33	5	32		32		32		17		2											
	PK SÔNG RAY	24	2	8		8		8		8		4											
XI	TTYT XUÂN LỘC: 00CS																						
XI I	DOANH NGHIỆP BÁO CÁO																						
1	TNHH JYS VINA	173	150	22		22		22		4	4	21	21			9				3			
2	TNHH GỖ CHAOYANG	460	437	36		36		36		36	6					10							
3	TNHH GỖ LEFFU (VN)	1,527	1,465	70		70		70		62		37	5			22							
4	TNHH ĐIỆN TỬ VIỆT TƯỜNG	1,112	965	84		84		84		28		15				4							
5	TNHH VIỆT NAM NISSIN TECHNOMIC	107	36	18		18		18		29	2	10	3			21				4			
6	TNHH NS BLUESCOPE LYSAGHT VIỆT NAM	46	23	13		13		13		14		10	5			5				2			
7	TNHH MÁY MẶC NGAY VINH QUANG	302	287	31		31		31		29		13				10				3			
8	TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU LIXIL VIỆT NAM	1,346	1,020	137	94	137		137		137		137	45	1		132				24		18	6
9	TNHH KUMKANG VINA	12	9	25		25		25		8	5	8	6			4							
10	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM	570	337	35		35		35		36		21	1			36				3			
11	TNHH SÀI GÒN 3 JEAN	430	338	40		40		40		40		37				14							
12	TNHH BRISKHEAT VIỆT NAM	369	335	23		23		23		23		12				4		2		1			
13	TNHH BELMONT MUNUFACTURING	96	36	11		11		11		14		6	6			10				2			

TT	Tên cơ sở	Tổng số người LĐ	Số người tiếp xúc	Nhiệt độ		Độ ẩm		Tốc độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		HK độc		Phóng xạ		Điện, Từ trường		Yếu tố khác	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
14	TNHH NHỰA VÀ HÓA CHẤT TPC VINA	175	119	24	10	24		24		16	1	6	5	1		40	2			3			
15	TNHH FC VIỆT NAM	311	189	17		17		17		21		16	4			9				4			
16	CHI NHÁNH CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM	506	407	41		41		41		41	11	23	4			87	4						
17	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY VẬN CHUYỂN KHÍ ĐÔNG NAM BỘ	192	114	73		73		73		57		49				156				18		24	
18	TNHH SILK VIỆT NAM	125	57	20	4	20		20		20		9	6			13				2			
19	TNHH RITEK VIỆT NAM	460	325	23		23		23		23		28				31							
20	TNHH SẢN PHẨM 63 THỂ THAO	74	64	11		11		11		11	3	11				14							
21	TNHH AICA LAMINATES VIỆT NAM	91	75	13		13		13		13		13				17							
22	TNHH FUJIKURA ELECTRONICS VIỆT NAM	443	328	43		43		43		43		18	4			62				3			
23	TNHH TENTAC (HỒ CHÍ MINH)	207	165	14		14		14		14		7	5			7				1			
24	TNHH ON SEMICONDUCTOR VIỆT NAM	2,039	1,627	83		83		83		76		85		5		119		7		2			
25	CÔNG PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM - CHI NHÁNH BÌNH KHÍ	180	155	34		34		34		34		25				26							
26	CÔNG PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ	576	127	36	16	36		36		35	3	36	18			37				1		1	
27	CÔNG PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610 TẠI PHƯỚC TÂN	53	40	10		10		10		4		9	3			4	1						
28	TNHH QUỐC TẾ FLEMING VIỆT NAM	1,319	921	30		30		30		29		9				1							
29	TNHH HANSOL ELECTRONICS VIETNAM HOCHIMINH CITY	338	254	16		16		16		16		7	2	1		10				3			
30	NHÀ MÁY GIANG ĐIỆN - CÔNG TY TNHH OLAM VIỆT NAM	151	80	17		17		17		17		10				12				2		8	
31	CHI NHÁNH LONG BÌNH CÔNG TY TNHH OLAM VIỆT NAM	432	148	46		46		46		46		32				15				4		20	
32	CÔNG PHẦN NIPPON SANSO VIỆT NAM	123	46	14		14		14		8		8	1			7				2			
33	CÔNG PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA	540	349	41		41		41		46	26	38	10			32							
34	TNHH MAPPACIFIC SINGAPORE	246	90	20		20		20		20	8	10				4							
35	CP SỬA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỬA DIELAC	303	164	49		49		49		49		40	25			11							
36	TNHH SAMIL VINA	1,536	1,358	101	20	101		101		101	23	72	5			50							

TT	Tên cơ sở	Tổng số người LĐ	Số người tiếp xúc	Nhiệt độ		Độ ẩm		Tốc độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		HK độc		Phóng xạ		Điện, Từ trường		Yếu tố khác	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
37	TNHH VIỆT NAM NISSIN SEIFUN	404	368	27		27		27		27	1	11	3			28							
38	TNHH NESTLE VIỆT NAM - NHÀ MÁY NESTLE VIỆT NAM	357	202	61	1	61		61		69		30	6	1		37				5			
39	CÔNG PHÂN HÒA VIỆT	271	196	26	6	26		26		26	9	26	9			28							
40	TNHH QUỐC TẾ KIM BẢO SƠN	2,045	1,938	75	11	75		75		75	13	52	14			67				2			
41	TNHH VIỆT NAM SUZUKI	394	132	30	7	30		30		30	9	27	7	13		68		1		2			
42	TEAKWANG VINA	27,718	21,714	814	35	817		814		814		590	5	61		964				32			
43	TNHH CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ NGHE NHÌN BOE	589	522	42	2	42		42		42	9	15	2			77							
44	TNHH GROBEST LANDFOUND	168	72	16	1	16		16		17	5	7	4			20				2			
45	TNHH GROBEST INDUSTRIAL	591	467	49		49		49		49	14	34	22			20				3			
46	TNHH SAITEX INTERNATIONAL ĐỒNG NAI VN	2,988	2,000	183		183		183		190		73	4			134				3			
47	TNHH ADVANCED MULTITECH	3,734	2,975	56	1	56		56		102		38	16	13		100		1		3		2	1
48	TNHH KHÍ HÓA LÔNG VIỆT NAM VT GAS - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI	103	91	11		11		11		10	3	16	14			3							
49	TNHH GIẤY DONA STANDARD VIỆT NAM	5,613	4,915	159		159		159		157		292		10		136				4		12	
50	TNHH SCHAEFFLER VIỆT NAM	450	249	43	5	43		43		43		43	5			91				16		2	
51	TNHH ĐỒNG PHƯƠNG ĐỒNG NAI VIỆT NAM	11,335	8,685	386		386		386		386		354	9	64		382				33		161	
52	TRIGON ASSOCIATES	20	20									7		7		7							
53	TNHH HANSOL ELECTRONICS VIỆT NAM HOCHIMINH CITY	338	254	16		16		16		16		7	2	1		10				3			
54	TNHH AFIRST VINA	1,454	1,387	34		34		34		28		30				21						2	
55	TNHH HUNTSMAN VIỆT NAM	27	5	19		19		19		18		9				28							
56	CÔNG PHÂN VLXD BIÊN HÒA	686	468	67	5	67		67		37	1	76	23			10							
57	TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA- ĐỒNG NAI	434	306	46		46		46		46		45		4		25				8			
58	CÔNG PHÂN CAFE DENAM	4	0	3		3		3		4		6	2			4				1			
59	CP VINACAFE BIÊN HÒA	256	128	45		45		45		47		54				20				2			
60	TNHH TÂN DƯƠNG	391	346	26		26		26		26		16				14							

TT	Tên cơ sở	Tổng số người LĐ	Số người tiếp xúc	Nhiệt độ		Độ ẩm		Tốc độ gió		Ánh sáng		Ồn		Rung		HK độc		Phóng xạ		Điện, Từ trường		Yếu tố khác	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
61	CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM	79	62	35		33		33		35		35				84				35			
62	TNHH TOMBOW MANUFACTURING ASIA	776	740	22		22		22		22		22				9							
63	HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP)	1,005	750	129		129		129		129		179	129			179						4	
64	CỔ PHẦN SCAVI	1,480	959	60		60		60				40				30						60	
65	TNHH CHANG DAE VINA	379	326	59		59		59		59		69	2			15							
66	TNHH NESTLE VIỆT NAM - NHÀ MÁY NESTLE ĐỒNG NAI	645	457	150	3	150		150		151	11	78	15	20	12	148							
67	TNHH BÌNH TIÊN BIÊN HÒA	3,940	2,685	345		345		345		95		100				266						6	
	<i>Tổng cộng</i>	97,934	75,078	5,645	248	5,646	0	5,643	22	5,197	334	4,014	574	202	12	4,449	37	11	0	241	0	326	7

Kết quả quan trắc yếu tố bụi trong môi trường lao động

Phụ lục 3: Tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai: 165 cơ sở

TT	TÊN CƠ SỞ	Ghi chú	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi Silic		Bụi khác		Tổng số	
				1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
1	Cty TNHH SP CN Toshiba Asia (PL)												
2	Cty TNHH SP CN Toshiba Asia (BS)												
3	Công ty TNHH Ojitex Việt Nam		253	17	0	9	0					26	0
4	Congo ty Ampharco			5	0	5	0					10	0
5	TT Giám định y khoa												
6	Cty Tentac (PL)												
7	TT Kiểm soát bệnh tật - CS3												
8	CÔNG TY TNHH KUMKANG VINA		18	3	0	3	0					6	0
9	Cty TNHH Grobest Industrial VN		201	26	3	26	3					52	6
10	CÔNG TY TNHH GROBEST LANDFOUND		111	7	2	7	2					14	4
11	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM NISSHIN SEIFUN		14	1	0	1	0					2	0
12	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610 TẠI PHƯỚC TÂN		14	8	2	8	2	8				18	4
13	cty Nestle BH2 (bs bụi)												
14	Công ty Global Dyeing		445	23	0	23	0					46	0
15	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Thạnh Phú		17	14	2	14	2	14				42	4

TT	TÊN CƠ SỞ	Ghi chú	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi Silic		Bụi khác		Tổng số	
				1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
16	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Tân Cang		27	14	3	14	3	14				42	6
17	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Thiện Tân		35	18	5	18	5	18				54	10
18	Cty VLXD BH - Trung tâm DVXD&VLXD		2	2	0	2	0	2				6	0
19	Cty VLXD BH - XN Kỹ thuật sửa chữa												
20	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Soklu		8	14	2	14	2	14				42	4
21	Cty Ava		29	9	0	4	0					13	0
22	Cty TNHH TPC Vina		107	10	0	7	0	1				18	0
23	Cty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam-VT Gas		21	3	0	2	0					5	0
24	Cty TNHH Việt Nam Nisshin Technomic		23	14	2	14	2					28	4
25	PL cty Sản phẩm máy tính Fujitsu												
26	Pl cty TNHH Tiger Việt Nam												
27	BS Cty TNHH Thực phẩm Ava			1	0							1	0
28	Cty TNHH Silk Việt Nam		24	4	0	4	0					8	0
29	Cty TNHH Polymeric Product V-H Việt Nam		37	3	0	4	0					7	0
30	Cty TNHH Shiseido Việt Nam		40	6	0	6	0					12	0
31	Cty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam												
32	Cty TNHH Mỹ Phẩm LG		94	4	0	4	0					8	0
33	Công TNHH Nippon Paint Việt Nam		6	2	0	2	0					4	0
34	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 4		221	9	0	9	0					18	0
35	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 5		206	12	0	12	0					24	0
36	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 2		1090	14	0	14	0					28	0

TT	TÊN CƠ SỞ	Ghi chú	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi Silic		Bụi khác		Tổng số	
				1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
37	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 6		505	22	0	22	0					44	0
38	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2 (CPC)		14	1	0	1	0					2	0
39	Khu sản xuất Tiến Nga - Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2		30	3	0	3	0					6	0
40	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2		142	6	0	6	0					12	0
41	Cty TNHH Thép SeAh Việt Nam		73	13	0	13	0					26	0
42	Cty TNHH Việt Nam Wacoal 110		1095	4	0	4	0					8	0
43	Cty TNHH Việt Nam Wacoal 58		417	2	0	2	0					4	0
44	Cty TNHH Map Pacific Singapore		15	4	0	4	0					8	0
45	Cty TNHH Center Powertech		535	18	0	18	0			13	5	48	5
46	Cty TNHH Suheung Việt Nam		158	4	0	2	0					6	0
47	Cty TNHH Việt Nam NOK		1245	6	0	6	0					12	0
48	Bổ sung tiếng ồn Cty TNHH Nestle Việt Nam												
49	Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai		37	8	0	4	0	2				14	0
50	Cty TNHH PPG Việt Nam		19	1	0	1	0					2	0
51	Cty TNHH May Đồng Phú Cường CS2		1328	7	0	7	0					14	0
52	Cty Cổ phần May Đồng Phú Cường CS1		1310	10	0	10	0					20	0
53	Cty TNHH Hong Won Vina		54	4	0	4	0					8	0
54	Cty Cổ phần Bibica		73	8	0	8	0					16	0
55	Cty Cổ phần Gas Việt Nhật		6	2	0	2	0					4	0
56	Cty TNHH Vopak Việt Nam		5	3	0	2	0					5	0

TT	TÊN CƠ SỞ	Ghi chú	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi Silic		Bụi khác		Tổng số	
				1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
57	UBND tỉnh Đồng Nai (Tiếng ồn)												
58	Cty TNHH Advanced Multitech (Việt Nam)		735	20	0	21	0	1	0	10		52	1
59	Phụ lục Cty TNHH Marigot Việt Nam											0	
60	Cty TNHH Khang Thành - NM1		10	2	0	2	0					4	0
61	Cty TNHH Syngenta Việt Nam		12	5	0	6	0					11	0
62	Cty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Dielac		54	14	0							14	0
63	Cty TNHH FC Việt Nam		48	4	0	2	0					6	0
64	Chi nhánh Cty Cổ phần Hóa An tại Biên Hòa		3	3	0	3	0	3				9	0
65	Chi nhánh Cty Cổ phần Hóa An tại Vĩnh Cửu		20	6	2	6	2	6				18	4
66	Chi nhánh Cty Cổ phần Hóa An tại Bình Phước		7	5	1	5	1	5				15	2
67	PKĐK Sài Gòn Tâm Trí			3	0					2	0	5	0
68	Cty TNHH Việt Nam Center Powertech (phụ lục)									5	0	5	0
69	Bệnh viện Da liễu			2	0					2	0	4	0
70	Cty TNHH Aureolefine Chemical Products												
71	Cty TNHH NS Bluescope Lysaght Việt Nam		14	7	0	7	0					14	0
72	Cty TNHH Plus One Sports		1294	18	0	18	0					36	0
73	Cty TNHH Sojitz Việt Nam			3	0	3	0					6	0
74	Cty TNHH Fashy (Viễn Đông)		98	7	0	3	0					10	0
75	Cty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam		1029	27	2	42	3	2				71	5
76	Cty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam		271	9	0	9	0					18	0
77	Cty Cổ phần Cao su Hàng Gòn		8	1	0	1	0					2	0

TT	TÊN CƠ SỞ	Ghi chú	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi Silic		Bụi khác		Tổng số	
				1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
78	Cty TNHH 3M Việt Nam		22	1	0	1	0					2	0
79	Cty TNHH Harvest Garment Việt Nam		64	3	0	3	0					6	0
80	Cty TNHH Urai Phanich (VN)		73	7	0	3	0	1				11	0
81	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đồng Nai (CS1)			4	0	2	0			4	0	10	0
82	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đồng Nai (CS2)			2	0	2	0					4	0
83	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đồng Nai (CS3)			2	0	2	0					4	0
84	Cty sản phẩm máy tính Fujitsu Việt Nam TNHH		810	4	0	1	0					5	0
85	CN Tổng Cty Tín Nghĩa Công ty TNHH - Trạm Xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Trạch 3		9	1	0	1	0					2	0
86	CN Tổng Cty Tín Nghĩa Công ty TNHH - Trạm Xử lý nước thải tập trung KCN An Phước		4	1	0	1	0					2	0
87	Cty TNHH Nuplex Resins (Việt Nam)		80	5	0	5	0					10	0
88	CN Tổng Cty Tín Nghĩa Công ty TNHH - Trạm Xử lý nước thải tập trung KCN Tân Phú		4	2	0	2	0					4	0
89	Cty TNHH Texma Vina		855	4	0	4	0					8	0
90	Cty TNHH Sản phẩm công nghiệp Toshiba Asia		107	6	0	6	0					12	0
91	Chi nhánh Cty Cổ phần Công nghiệp Nhựa Phú Lâm		129	13	0	6	0					19	0
92	Cty TNHH Advanced Multitech (VN)											0	0
93	Cty TNHH Khang Thành - NM2		40	2	0	2	0					4	0
94	Cty TNHH Bao Bì Việt Long		59	14	0	14	0					28	0
95	Cty TNHH MTV Cơ khí xăng dầu Đồng Nai		75	8	0	8	0					16	0
96	Cty Dây đồng Việt Nam CFT		34	5	0	3	0					8	0
97	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Hạt dẻ)			11	1	11	1					22	2

TT	TÊN CƠ SỞ	Ghi chú	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi Silic		Bụi khác		Tổng số	
				1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
98	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Hạnh nhân B7)			5	0	5	0					10	0
99	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Hạnh nhân B8)			4	0	4	0					8	0
100	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Ốc chó)			6	0	6	0					12	0
101	Cty TNHH Tayca (Việt Nam)		2	2	0	1	0					3	0
102	Cty TNHH NS Bluescope Lysaght Việt Nam											0	0
103	Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai			4	0	4	0					8	0
104	Trung Tâm Y tế Huyện Xuân Lộc		12	7	0	2	0			4	0	13	0
105	Cty TNHH Nestle Việt Nam - Nhà máy Trị An		36	42	0	36	0					78	0
106	Cty TNHH Belmont Manufacturing		23	3	0	3	0					6	0
107	Cty Cổ phần Kim loại CSGT Việt Nam		9	3	0	3	0					6	0
108	Cty TNHH May mặc Toptex		394	3	0	3	0					6	0
109	Cty TNHH Công nghiệp Elma Việt Nam		78	4	0	4	0	1				9	0
110	Cty TNHH Vina		239	9	4	9	4					18	8
111	Cty Cổ phần Gạch men VTC			13	6	13	6	13				39	12
112	Cty TNHH Nestle Việt Nam (Nhà máy Bình An)		21	7	0	7	0					14	0
113	Cty CP Phân bón và hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ			4	0	3	0					7	0
114	Cty TNHH Dah Sheng Việt Nam		61	5	0	3	0	1				9	0
115	Cty TNHH Nestle Việt Nam (Biên Hòa 2)												
116	Cty TNHH Tentac (Hồ Chí Minh)			4	0	1	0					5	0
117	Cty TNHH Dược phẩm E.B.C Giang Điền			3	0	2	0			21	0	26	0

TT	TÊN CƠ SỞ	Ghi chú	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi Silic		Bụi khác		Tổng số	
				1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
118	Cty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa - Nhà máy Long Thành		16	9	0	9	0					18	0
119	Cty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa - Nhà máy Café DeNam		4	3	0	3	0					6	0
120	Cty Cổ phần dịch vụ Sonadezi		162	31	0	10	0					41	0
121	Cty TNHH Tenma (HCM) Việt Nam		231	8	0	5	0					13	0
122	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Đồng Nai			2	0							2	0
123	Cty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa		10	10	2	11	2					21	4
124	Cty CP XNK Y tế Domesco - CN Miền Đông		231	7	0	7	0					14	0
125	Cty Hữu hạn Sợi Tainan (Việt Nam)		818	9	0	10	0					19	0
126	Cty TNHH Sợi Long Thái Tử		495	20	0	16	0					36	0
127	Cty Hữu hạn Sợi Tainan (Việt Nam) - Kho Bông		11	3	0	1	0					4	0
128	Cty TNHH Aizaki Việt Nam		33	5	0	3	0					8	0
129	Cty TNHH Nestle Việt Nam - Nhà máy Trị An		36	42	0	36	0					78	0
130	Cty TNHH Westlake Compounds Việt Nam											0	0
131	Cty TNHH Marigot Việt Nam		236	19	0	18	0					37	0
132	Cty TNHH Dệt Daewon Việt Nam		90	4	0	4	0	1				9	0
133	Cty TNHH Akzo Nobel Coatings Việt Nam		56	4	0	4	0					8	0
134	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai (VN) - Kho Saitex		5	2	0	2	0					4	0
135	Cty TNHH Dongil Engineering Việt Nam		76	7	7	7	7	7				21	14
136	Cty TNHH Ansell Vina		244	22	0	22	0					44	0
137	Cty TNHH Công nghiệp Sơn Nhất Phẩm		13	1	0	1	0					2	0

TT	TÊN CƠ SỞ	Ghi chú	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi Silic		Bụi khác		Tổng số	
				1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
138	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ			2	0							2	0
139	Cty Cổ phần Kim loại Comax Việt Nam		11	7	0	7	0					14	0
140	Cty TNHH Dinh dưỡng Á Châu (VN)											0	0
141	Cty TNHH Công nghiệp Fusheng (Việt Nam)		20	5	0	5	0	2				12	0
142	Cty TNHH Bao bì Kaoten (Việt Nam)		2	2	0	2	0					4	0
143	Chi nhánh cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2 (KCN An Phước)		121	7	0	6	0					13	0
144	Cty TNHH Korea Express Packsimex		22	4	0	2	0					6	0
145	Cty Cổ phần Diệu Thương		77	8	0	7	0					15	0
146	Cty TNHH Y.S.P Việt Nam		17	7	0	7	0					14	0
147	Cty TNHH Fumakilla Việt Nam		57	11	5	11	5					22	10
148	Cty TNHH Sitto Việt Nam		11	6	0	6	0					12	0
149	Cty TNHH Acrowel Vietnam		83	5	0	3	0	6				14	0
150	Cty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		7	1	0	1	0					2	0
151	Cty TNHH Stanbee Asia Vina		36	2	0	2	0					4	0
152	Cty TNHH TMS Vina											0	0
153	Cty TNHH Doowa											0	0
154	Cty TNHH Hempel Việt Nam			4	0	4	0					8	0
155	Cty CP Dược phẩm Otsuka OPV											0	0
156	Cty TNHH Nicca Việt Nam		14	3	0	3	0					6	0
157	Cty TNHH Hogetsu Việt Nam											0	0

TT	TÊN CƠ SỞ	Ghi chú	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi Silic		Bụi khác		Tổng số	
				1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
158	Cty TNHH Hoá chất và Môi trường Aureole Mitani											0	0
159	Cty TNHH Kotobuki Sea											0	0
160	Cty TNHH Hóa chất LG Vina											0	0
161	Cty TNHH Tohoku Chemical Industrial (Việt Nam)											0	0
162	Cty TNHH Tân Phát Tài											0	0
163	Cty TNHH Jungwoo Textile Vina											0	0
164	Cty TNHH Ajinomoto Việt Nam											0	0
165	Cty Hữu Hạn Ốc vít Lâm Viễn											0	0

Phụ lục 4: Trung tâm Y tế các huyện, thành phố và doanh nghiệp báo cáo: 153 cơ sở

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi silic		Bụi khác		Tổng số	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
I.	TTYT BIÊN HÒA : 10 CS	0										0	0
1	NGÂN HÀNG NN CHI NHÁNH ĐN	18	8	4		4						8	0
2	TNHH SX ĐI BI 1	80	60	8								8	0
3	TNHH SX ĐI BI 2	73	65	6								6	0
4	TNHH SX GỖ ĐI BI	26	22	3	1							3	1
5	TNHH NAXTS VN	128	110	4		4						8	0
6	TNHH THÀNH PHÚ PHÁT	650	514	10	1							10	1
7	TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG	105	76	9								9	0
8	TTYT BIÊN HÒA	210	187	5								5	0
9	TNHH TOME	26	3	6								6	0
10	TNHH SHINHAN VINA	37	18	6								6	0
II.	TTYT LONG THÀNH : 19 CS	0										0	0
1	CƠ SỞ GIA CÔNG VÔI LT	24	15	1		3						4	0
2	TNHH TOTAL VN	55	32	1		1						2	0
3	TNHH PERFECT VISION	298	252	3		5						8	0
4	TNHH XIN GUAN XING	398	264	3		5						8	0
5	TNHH CADIVI ĐỒNG NAI	240	211	3		5						8	0
6	CP ANGEL	150	75	5		2						7	0
7	TNHH DAE DUK BANK	90	38	1		3						4	0
8	TNHH TƯƠNG LAI	32	11	1		3						4	0
9	TTYT NHƠN TRẠCH	297	15	4		4						8	0
10	TNHH TOTAL GAS	52	3	3		3						6	0
11	TNHH UIC	84	8	3		2						5	0
12	TNHH CN HÓA CHẤT HAEIN	31	6	2		2						4	0
13	TNHH SPRINT INC	152	25	1		4						5	0

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi silic		Bụi khác		Tổng số	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
14	TTYT LONG THÀNH	55	4	2		8						10	0
15	TNHH AK VINA	92	34	2		2						4	0
16	TNHH DAEYANG VINA PRECISION	25	4	2		2						4	0
17	TNHH NAM LONG	141	22	2		4						6	0
18	TNHH MERCAFE	50	28	1		4						5	0
19	TNHH MTV ANH LONG	100	67	1		2						3	0
III.	TTYT NHƠN TRẠCH: 07 CS	0										0	0
1	TNHH GIÀY TUẦN VIỆT	1,269		17								17	0
2	TNHH KOSTEEL VINA	0		4								4	0
3	TNHH KỸ THUẬT BUENO	0		20								20	0
4	TNHH GẠCH MEN BÁCH THÀNH	0										0	0
5	CÔNG PHẦN SY VINA	0										0	0
6	TNHH KIRBY ĐÔNG NAM Á	0										0	0
7	CÔNG PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ ÁP THẤP DẦU KHÍ VN	0										0	0
IV.	TTYT VĨNH CỬU: 07 CS	0										0	0
1	TNHH KHANG THÀNH NM1	34										0	0
2	TNHH KHANG THÀNH NM2	129										0	0
3	CHI NHÁNH CÔNG TY CÔNG PHẦN HÓA AN TẠI VĨNH CỬU	36										0	0
4	VLXD BH - XN KHAI THÁC ĐÁ THANH PHÚ	122										0	0
5	VLXD BH - XN KHAI THÁC ĐÁ THIÊN TÂN	35										0	0
6	CPĐT & CN BỬU LONG	52										0	0
7	TTYT HUYỆN VĨNH CỬU	384						10		8		18	0
V.	TTYT TRẮNG BOM : 05 CS	0										0	0
1	CTY CHEN HO	46	4	3		3						6	0
2	CTY HO CHANG	190	12	3		3						6	0
3	CTY WELMAR	30	18	3		3						6	0

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi silic		Bụi khác		Tổng số	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
4	CTY LỤC NHÂN	133	8	3		3						6	0
5	TTYT TRẮNG BOM	406	127			17						17	0
VI.	TTYT THỐNG NHẤT: 00 CS	0										0	0
VII	TTYT ĐỊNH QUÁN: 02 CS	0										0	0
1	CP ĐỒNG PHÚ CUỒNG	3,215		10		10						20	0
2	TNHH MAY ĐỒNG PC	1,496		7		7						14	0
VIII	TTYT TÂN PHÚ : 18 CS	0										0	0
1	TYT PHÚ LỘC	9										0	0
2	TYT PHÚ THỊNH	9										0	0
3	TYT TÀ LÀI	10										0	0
4	TYT PHÚ LẬP	8										0	0
5	TYT TRÀ CỔ	7										0	0
6	TYT THỊ TRẦN	8										0	0
7	TYT NÚI TƯỢNG	8										0	0
8	TYT NAM CÁT TIÊN	7										0	0
9	TYT PHÚ ĐIỀN	8										0	0
10	TYT ĐẮC LƯA	7										0	0
11	TYT PHÚ LÂM	9										0	0
12	TYT THANH SƠN	5										0	0
13	TYT PHÚ SƠN	9										0	0
14	TYT PHÚ AN	7										0	0
15	TYT PHÚ TRUNG	7										0	0
16	TYT PHÚ BÌNH	8										0	0
17	TYT PHÚ XUÂN	7										0	0
18	TYT PHÚ THẠNH	7										0	0

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi silic		Bụi khác		Tổng số	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
IX.	TTYT LONG KHÁNH: 00 CS	0										0	0
X.	TTYT CẨM MỸ: 18 CS	0										0	0
	XN CHẾ BIẾN MỦ CAO SU CẨM MỸ	73	12									0	0
	TNHH HUY MINH	41	2									0	0
	13 TRẠM Y TẾ	106	2									0	0
	TNHH FASHION GARMENT 2	577	18									0	0
	TTYT CẨM MỸ	33	5									0	0
	PK SÔNG RAY	24	2									0	0
XI	TTYT XUÂN LỘC: 00CS	0										0	0
XII	DOANH NGHIỆP BÁO CÁO	0										0	0
1	TNHH JYS VINA	173	50	13		4	0					17	0
2	TNHH GỖ CHAOYANG	460				0	0	34	0			34	0
3	TNHH GỖ LEFFU (VN)	1,527		15		15	0	16	0			46	0
4	TNHH ĐIỆN TỬ VIỆT TƯỜNG	1,112	22	3								3	0
5	TNHH VIỆT NAM NISSIN TECHNOMIC	107	15	14		14	2					28	2
6	TNHH NS BLUESCOPE LYSAGHT VIỆT NAM	46	35	7		7	0	7	0			21	0
7	TNHH MAY MẶC NGÀY VINH QUANG	302	282	7		4	0	11	0			22	0
8	TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU LIXIL VIỆT NAM	1,346	18	117		112	0	18	0			247	0
9	TNHH KUMKANG VINA	12		6								6	0
10	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM	570	214	13		6	0					19	0
11	TNHH SÀI GÒN 3 JEAN	430	338	0		0	0	24	0			24	0
12	TNHH BRISKHEAT VIỆT NAM	369	23	5		5	0					10	0
13	TNHH BELMONT MANUFACTURING	96		3		3	0					6	0
14	TNHH NHỰA VÀ HÓA CHẤT TPC VINA	175	40	10		7		1				18	0
15	TNHH FC VIỆT NAM	311		4		2						6	0

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi silic		Bụi khác		Tổng số	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
16	CHI NHÁNH CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM	506	352							25	3	25	3
17	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY VẬN CHUYỂN KHÍ ĐÔNG NAM BỘ	192	114	18				18				36	0
18	TNHH SILK VIỆT NAM	125	10	4		4						8	0
19	TNHH RITEK VIỆT NAM	460	40	4								4	0
20	TNHH SẢN PHẨM, 63 THỂ THAO	74		8								8	0
21	TNHH AICA LAMINATES VIỆT NAM	91	91	13								13	0
22	TNHH FUJIKURA ELECTRONICS VIỆT NAM	443	74	7		7						14	0
23	TNHH TENTAC (HỒ CHÍ MINH)	207	106	4		1						5	0
24	TNHH ON SEMICONDUCTOR VIỆT NAM	2,039	2039	67		1						68	0
25	CÔNG PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM - CHI NHÁNH BÌNH KHÍ	180		25		25						50	
26	CÔNG PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ	576	27									0	0
27	CÔNG PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610 TẠI PHƯỚC TÂN	53	20	8	4	8	4	8				24	8
28	TNHH QUỐC TẾ FLEMING VIỆT NAM	1,319	19	12								12	0
29	TNHH HANSOL ELECTRONICS VIETNAM HOCHIMINH CITY	338	274	4		4		4				12	0
30	NHÀ MÁY GIANG ĐIỆN - CÔNG TY TNHH OLAM VIỆT NAM	151		10		10						20	0
31	CHI NHÁNH LONG BÌNH CÔNG TY TNHH OLAM VIỆT NAM	432	46		46							0	46
32	CÔNG PHẦN NIPPON SAN SO VIỆT NAM	123		2		2						4	0
33	CÔNG PHẦN BẢO BÌ BIÊN HÒA	540		33		15						48	0
34	TNHH MAP PACIFIC SINGAPORE	246	5	4		2		6				12	0
35	CP SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA DIELAC	303		12								12	0
36	TNHH SAMIL VINA	1,536	1536	51		51						102	0
37	TNHH VIỆT NAM NISSIN SEIFUN	404		1								1	0
38	TNHH NESTLE VIỆT NAM - NHÀ MÁY NESTLE VIỆT NAM	357	202	7		7						14	0

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi silic		Bụi khác		Tổng số	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
39	CÔNG PHẦN HÒA VIỆT	271	74	26	2	26	2					52	4
40	TNHH QUỐC TẾ KIM BẢO SƠN	2,045		32		32						64	0
41	TNHH VIỆT NAM SUZUKI	394		27		27						54	0
42	TEAKWANG VINA	27,718		365		186						551	0
43	TNHH CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ NGHE NHÌN BOE	589		25		25						50	0
44	TNHH GROBEST LANDFOUND	168		7	2	7	2					14	4
45	TNHH GROBEST INDUSTRIAL	591		26	3	26	3					52	6
46	TNHH SAITEX INTERNATIONAL ĐỒNG NAI VN	2,988		59		59						118	0
47	TNHH ADVANCED MULTITECH	3,734	2304	20		21		10		1		52	0
48	TNHH KHÍ HÓA LÔNG VIỆT NAM VT GAS - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI	103		3		2						5	0
49	TNHH GIÀY DONA STANDARD VIỆT NAM	5,613		131		131						262	0
50	TNHH SCHAEFFLER VIỆT NAM	450		22		22						44	0
51	TNHH ĐÔNG PHƯƠNG ĐỒNG NAI VIỆT NAM	11,335		175		175		14				364	0
52	TRIGON ASSOCIATES	20		7								7	0
53	TNHH HANSOL ELECTRONICS VIỆT NAM HOCHIMINH CITY	338		4		4						8	0
54	TNHH AFIRST VINA	1,454		4		4						8	0
55	TNHH HUNTSMAN VIỆT NAM	27	5	3								3	0
56	CÔNG PHẦN VLXD BIÊN HÒA	686		62	12	62	12					124	24
57	TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA-ĐỒNG NAI	434	247	16		16		16		5			
58	CÔNG PHẦN CAFE DENAM	4		3		3							
59	CP VINACAFE BIÊN HÒA	256	84	22		20							
60	TNHH TÂN DƯƠNG	391	391	10		10						20	
61	CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM	79	62	35									
62	TNHH TOMBOW MANUFACTURING ASIA	776		6									
63	HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ	1,005		72		72							

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Số người tiếp xúc với các yếu tố bụi	Bụi toàn phần		Bụi hô hấp		Bụi silic		Bụi khác		Tổng số	
				-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2	-1	-2
	BIỂN HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP)												
64	CỔ PHẦN SCAVI	1,480	959	15		15							
65	TNHH CHANG DAE VINA	379		14									
66	TNHH NESTLE VIỆT NAM - NHÀ MÁY NESTLE ĐỒNG NAI	645		102		102						204	0
67	TNHH BÌNH TIÊN BIÊN HÒA	3,940		30		30						60	0
	<i>Tổng cộng</i>	97,934	12,505	2,006	71	1,511	25	197	0	39	3	3,423	99

Kết quả đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp và yếu tố tâm sinh lý Ecgonomie

Phụ lục 5: Tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai: 165 cơ sở

TT	TÊN CƠ SỞ	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và ergonomic	
		Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
1	Cty TNHH SP CN Toshiba Asia (PL)					
2	Cty TNHH SP CN Toshiba Asia (BS)					
3	Công ty TNHH Ojitex Việt Nam		280	28/0	3	3/1
4	Congo ty Ampharco				10	10/0
5	TT Giám định y khoa				4	4/0
6	Cty Tentac (PL)					
7	TT Kiểm soát bệnh tật - CS3					
8	CÔNG TY TNHH KUMKANG VINA	bụi	18	6/0	7	7/1
9	Cty TNHH Grobest Industrial VN	bụi, khí	396	60/6	8	8/0
10	CÔNG TY TNHH GROBEST LANDFOUND	Bụi	176	24/4	4	4/0
11	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM NISSHIN SEIFUN	bụi	122	2/0	0	0
12	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610 TẠI PHƯỚC TÂN	bụi	14	18/4	5	0
13	cty Nestle BH2 (bs bụi)					
14	Công ty Global Dyeing	bụi, khí	440	60/0	30	30/0
15	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Thạnh Phú	bụi, khí	17	44/4	6	6/0

TT	TÊN CƠ SỞ	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và ergonomic	
		Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
16	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Tân Cang	bụi, khí	29	45/6	4	4/0
17	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Thiện Tân	bụi	35	57/10	7	7/0
18	Cty VLXD BH - Trung tâm DVXD&VLXD	bụi	2	6/0	2	2/0
19	Cty VLXD BH - XN Kỹ thuật sửa chữa				2	2/0
20	Cty VLXD BH - XN Khai thác đá Soklu	bụi	8	42/4	4	4/0
21	Cty Ava	bụi, khí	41	22/0		
22	Cty TNHH TPC Vina	bụi, khí	174	37/0	3	3/0
23	Cty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam-VT Gas	bụi, khí	21	8/0	2	2/0
24	Cty TNHH Việt Nam Nisshin Technomic	bụi	23	49/4	23	23/0
25	PL cty Sản phẩm máy tính Fujitsu					
26	Pl cty TNHH Tiger Việt Nam					
27	BS Cty TNHH Thực phẩm Ava					
28	Cty TNHH Silk Việt Nam	bụi, khí	28	21/0	9	9/0
29	Cty TNHH Polymeric Product V-H Việt Nam	bụi, khí	37	12/0	7	7/0
30	Cty TNHH Shiseido Việt Nam	bụi, khí	40	32/0		4
31	Cty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam					
32	Cty TNHH Mỹ Phẩm LG	bụi	94	8/0		
33	Công TNHH Nippon Paint Việt Nam	bụi, khí	21	22/0	12	12/0
34	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 4	bụi, khí	361	73/0	17	17/0
35	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 5	bụi, khí	206	49/0	18	18/0
36	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 2	bụi, khí	1134	52/0	48	48/0

TT	TÊN CƠ SỞ	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và ergonomic	
		Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
37	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai NM 6	bụi, khí	507	81/0	53	53/0
38	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2 (CPC)	bụi	14	2/0	3	3/0
39	Khu sản xuất Tiến Nga - Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2	bụi	30	6/0	7	7/0
40	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2	bụi	142	12/0	4	4/0
41	Cty TNHH Thép SeAh Việt Nam	bụi, khí	187	56/2	14	14/0
42	Cty TNHH Việt Nam Wacoal 110	bụi, khí	1100	16/0	14	14/0
43	Cty TNHH Việt Nam Wacoal 58	bụi, khí	419	7/0	8	8/0
44	Cty TNHH Map Pacific Singapore	bụi, khí	24	12/0	4	4/0
45	Cty TNHH Center Powertech	bụi, khí	625	92/12	22	22/0
46	Cty TNHH Suheung Việt Nam	bụi	158	13/0		
47	Cty TNHH Việt Nam NOK	bụi, khí	1267	22/0	12	12/0
48	Bổ sung tiếng ồn Cty TNHH Nestle Việt Nam					
49	Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai	bụi, khí	68	35/0	8	8/0
50	Cty TNHH PPG Việt Nam	bụi, khí	30	11/0	4	4/0
51	Cty TNHH May Đồng Phú Cường CS2	bụi	1328	14/0	17	17/0
52	Cty Cổ phần May Đồng Phú Cường CS1	bụi	1310	20/0	19	19/0
53	Cty TNHH Hong Won Vina	bụi, khí	74	20/0	12	12/0
54	Cty Cổ phần Bibica	bụi, khí	73	30/0	16	16/0
55	Cty Cổ phần Gas Việt Nhật	bụi, khí	7	11/0		
56	Cty TNHH Vopak Việt Nam	bụi, khí	5	10/0	8	8/0

TT	TÊN CƠ SỞ	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và ergonomic	
		Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
57	UBND tỉnh Đồng Nai (Tiếng ồn)					
58	Cty TNHH Advanced Multitech (Việt Nam)	bụi, khí	954	174/2	25	25/0
59	Phụ lục Cty TNHH Marigot Việt Nam					
60	Cty TNHH Khang Thành - NM1	bụi, khí	27	11/0	4	4/0
61	Cty TNHH Syngenta Việt Nam	bụi	12	21/0	6	6/0
62	Cty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Dielac	bụi, khí	63	25/0		
63	Cty TNHH FC Việt Nam	bụi, khí	51	15/0		
64	Chi nhánh Cty Cổ phần Hóa An tại Biên Hòa	bụi	3	9/0	4	4/0
65	Chi nhánh Cty Cổ phần Hóa An tại Vĩnh Cửu	bụi	20	18/4	4	4/0
66	Chi nhánh Cty Cổ phần Hóa An tại Bình Phước	bụi	7	15/2	4	4/0
67	PKĐK Sài Gòn Tâm Trí				9	9/0
68	Cty TNHH Việt Nam Center Powertech (phụ lục)	bụi, khí		12/7		
69	Bệnh viện Da liễu	vi sinh, máu người bệnh	55	4/0	8	8/0
70	Cty TNHH Aureolefine Chemical Products	khí	6	10/0	4	4/0
71	Cty TNHH NS Bluescope Lysaght Việt Nam	bụi, khí	19	31/0	11	11/0
72	Cty TNHH Plus One Sports	bụi khí	1867	68/5	19	19/0
73	Cty TNHH Sojitz Việt Nam				2	2/0
74	Cty TNHH Fashy (Viễn Đông)	bụi	98	10/0	6	6/0
75	Cty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam	bụi, khí	1213	104/9	4	4/0

TT	TÊN CƠ SỞ	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và ergonomic	
		Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
76	Cty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam	bụi	271	18/0	28	28/0
77	Cty Cổ phần Cao su Hàng Gòn	bụi, khí	49	10/0	6	6/0
78	Cty TNHH 3M Việt Nam	bụi, khí	24	6/0	6	6/0
79	Cty TNHH Harvest Garment Việt Nam	bụi	64	6/0	8	8/0
80	Cty TNHH Urai Phanich (VN)	bụi, khí	73	26/0	10	10/0
81	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đồng Nai (CS1)	bụi, khí			21	21/0
82	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đồng Nai (CS2)	vi sinh	43	27/0	10	10/0
83	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đồng Nai (CS3)	vi sinh, máu, phân, nước tiểu		35/0	10	10/0
84	Cty sản phẩm máy tính Fujitsu Việt Nam TNHH	bụi, khí	820	43/0	8	8/0
85	CN Tổng Cty Tín Nghĩa Công ty TNHH - Trạm Xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Trạch 3	bụi, khí	9	16/0	3	3/0
86	CN Tổng Cty Tín Nghĩa Công ty TNHH - Trạm Xử lý nước thải tập trung KCN An Phước	bụi, khí	4	8/0	3	3/0
87	Cty TNHH Nuplex Resins (Việt Nam)	bụi, khí	103	25/0	8	8/0
88	CN Tổng Cty Tín Nghĩa Công ty TNHH - Trạm Xử lý nước thải tập trung KCN Tân Phú	bụi, khí	4	12/0	3	3/0
89	Cty TNHH Texma Vina	bụi, khí	856	14/0	12	12/0
90	Cty TNHH Sản phẩm công nghiệp Toshiba Asia	bụi, khí	321	49/3	14	14/0
91	Chi nhánh Cty Cổ phần Công nghiệp Nhựa Phú Lâm	bụi, khí	226	55/0	16	16/0
92	Cty TNHH Advanced Multitech (VN)	rung	496	13/0		
93	Cty TNHH Khang Thành - NM2	bụi, khí	55	9/0	11	11/0

TT	TÊN CƠ SỞ	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và ergonomic	
		Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
94	Cty TNHH Bao Bì Việt Long	bụi, khí	63	50/0	16	16/0
95	Cty TNHH MTV Cơ khí xăng dầu Đồng Nai	bụi, khí	97	28/0	14	14/0
96	Cty Dây đồng Việt Nam CFT	bụi, khí	34	15/0	6	6/0
97	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Hạt dẻ)	bụi		22/2	10	10/0
98	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Hạnh nhân B7)	bụi, khí		19/0	4	4/0
99	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Hạnh nhân B8)	bụi		8/0	4	4/0
100	Chi nhánh Cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH II (Xưởng Ốc chó)	bụi		12/0	4	4/0
101	Cty TNHH Tayca (Việt Nam)	bụi, khí	13	13/0	5	5/0
102	Cty TNHH NS Bluescope Lysaght Việt Nam					
103	Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai	bụi, khí, vi sinh, máu, phân, nước tiểu			40	40/0
104	Trung Tâm Y tế Huyện Xuân Lộc	bụi, vi sinh	223	60/0	15	15/0
105	Cty TNHH Nestle Việt Nam - Nhà máy Trị An	bụi	36	154/0	8	8/0
106	Cty TNHH Belmont Manufacturing	bụi, khí	31	16/0	4	4/0
107	Cty Cổ phần Kim loại CSGT Việt Nam	bụi, khí	14	10/0	8	8/0
108	Cty TNHH May mặc Toptex	bụi, khí	399	11/0		
109	Cty TNHH Công nghiệp Elma Việt Nam	bụi, khí	123	15/0	9	9/0
110	Cty TNHH Vina	bụi	239	24/8	8	8/0

TT	TÊN CƠ SỞ	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và ergonomic	
		Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
111	Cty Cổ phần Gạch men VTC	bụi, khí		54/12	10	10/0
112	Cty TNHH Nestle Việt Nam (Nhà máy Bình An)	bụi, khí	28	51/0	22	22/0
113	Cty CP Phân bón và hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	bụi, khí	0	17/0		
114	Cty TNHH Dah Sheng Việt Nam	bụi, khí	86	17/1	9	9/0
115	Cty TNHH Nestle Việt Nam (Biên Hòa 2)					
116	Cty TNHH Tentac (Hồ Chí Minh)	bụi, khí		12/0	12	12/0
117	Cty TNHH Dược phẩm E.B.C Giang Điền	bụi, khí		35/0	2	2/0
118	Cty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa - Nhà máy Long Thành	bụi, khí	16	27/0	5	5/0
119	Cty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa - Nhà máy Café DeNam	bụi	4	10/0		
120	Cty Cổ phần dịch vụ Sonadezi	bụi, khí	353	138/0	19	19/0
121	Cty TNHH Tenma (HCM) Việt Nam	bụi, khí	337	30/0	16	16/0
122	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Đồng Nai	bụi, khí			8	8/0
123	Cty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	bụi	10	37/4	8	8/0
124	Cty CP XNK Y tế Domesco - CN Miền Đông			21/0		
125	Cty Hữu hạn Sợi Tainan (Việt Nam)	bụi, khí	1086	33/0	16	16/0
126	Cty TNHH Sợi Long Thái Tử	bụi	495	36/0	18	18/0
127	Cty Hữu hạn Sợi Tainan (Việt Nam) - Kho Bông	bụi, khí	11	7/0		
128	Cty TNHH Aizaki Việt Nam	bụi, khí	33	15/0	9	9/0
129	Cty TNHH Nestle Việt Nam - Nhà máy Trị An	bụi	36	154/0	8	8/0
130	Cty TNHH Westlake Compounds Việt Nam					

TT	TÊN CƠ SỞ	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và ergonomic	
		Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
131	Cty TNHH Marigot Việt Nam	bụi, khí	334	96/0	15	15/0
132	Cty TNHH Dệt Daewon Việt Nam	bụi, khí	90	17/0	14	14/0
133	Cty TNHH Akzo Nobel Coatings Việt Nam	bụi, khí	132	45/0	13	13/0
134	Cty TNHH Saitex International Đồng Nai (VN) - Kho Saitex	bụi	5	4/0		
135	Cty TNHH Dongil Engineering Việt Nam	bụi, khí	76	27/14	10	10/0
136	Cty TNHH Ansell Vina	bụi, khí	375	88/0	23	23/0
137	Cty TNHH Công nghiệp Sơn Nhất Phẩm	bụi, khí	13	8/0	5	5/0
138	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ	khí, máu dịch tiết,...		15/0	16	16/0
139	Cty Cổ phần Kim loại Comax Việt Nam	bụi	11	14/0	3	3/0
140	Cty TNHH Dinh dưỡng Á Châu (VN)					
141	Cty TNHH Công nghiệp Fusheng (Việt Nam)	bụi, khí	31	26/0	9	9/0
142	Cty TNHH Bao bì Kaoten (Việt Nam)	bụi, khí	4	23/0	9	9/0
143	Chi nhánh cty TNHH Olam Việt Nam tại KCN BH2 (KCN An Phước)	bụi, khí	140	30/0	14	14/0
144	Cty TNHH Korea Express Packsimex	bụi	22	12/0		
145	Cty Cổ phần Diệu Thương	bụi	77	15/0	9	9/0
146	Cty TNHH Y.S.P Việt Nam	bụi, khí	23			
147	Cty TNHH Fumakilla Việt Nam	bụi, khí	73			
148	Cty TNHH Sitto Việt Nam	bụi, khí	15			
149	Cty TNHH Acrowel Vietnam	bụi, khí	88			

TT	TÊN CƠ SỞ	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và ergonomic	
		Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
150	Cty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	bụi	7			
151	Cty TNHH Stanbee Asia Vina	bụi	36			
152	Cty TNHH TMS Vina					
153	Cty TNHH Doowa					
154	Cty TNHH Hempel Việt Nam	bụi, khí				
155	Cty CP Dược phẩm Otsuka OPV					
156	Cty TNHH Nicca Việt Nam	bụi, khí	16			
157	Cty TNHH Hogetsu Việt Nam					
158	Cty TNHH Hoá chất và Môi trường Aureole Mitani	khí	7			
159	Cty TNHH Kotobuki Sea					
160	Cty TNHH Hóa chất LG Vina					
161	Cty TNHH Tohoku Chemical Industrial (Việt Nam)					
162	Cty TNHH Tân Phát Tài					
163	Cty TNHH Jungwoo Textile Vina					
164	Cty TNHH Ajinomoto Việt Nam					
165	Cty Hữu Hạn Ốc vít Lâm Viễn					

Phụ lục 6: Trung tâm Y tế các huyện, thành phố và doanh nghiệp báo cáo: 153 cơ sở

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và Ergonomic	
			Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
I.	TTYT BIÊN HÒA : 10 CS	0					
1	NGÂN HÀNG NN CHI NHÁNH ĐN	18		8		5	
2	TNHH SX ĐI BI 1	80		60		4	
3	TNHH SX ĐI BI 2	73		65		3	
4	TNHH SX GỖ ĐI BI	26		22		4	
5	TNHH NAXTS VN	128		110		4	
6	TNHH THÀNH PHÚ PHÁT	650		514		4	
7	TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG	105		76		4	
8	TTYT BIÊN HÒA	210		187		10	
9	TNHH TOME	26		3		3	
10	TNHH SHINHAN VINA	37		18		4	
II.	TTYT LONG THÀNH : 19 CS	0					
1	CƠ SỞ GIA CÔNG VÔI LT	24				7	
2	TNHH TOTAL VN	55				6	
3	TNHH PERFECT VISION	298				9	
4	TNHH XIN QUAN XING	398				15/1	
5	TNHH CADIVI ĐỒNG NAI	240				12	
6	CP ANGEL	150				9	
7	TNHH DAE DUK BANK	90				7	
8	TNHH TƯƠNG LAI	32				7	
9	TTYT NHƠN TRẠCH	297				8	
10	TNHH TOTAL GAS	52				8	
11	TNHH UIC	84				7	
12	TNHH CN HÓA CHẤT HAEIN	31				7	

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và Ergonomic	
			Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
13	TNHH SPRINT INC	152				8	
14	TTYT LONG THÀNH	55				5	
15	TNHH AK VINA	92				9	
16	TNHH DAEYANG VINA PRECISION	25				9	
17	TNHH NAM LONG	141				12	
18	TNHH MERCAFE	50				7	
19	TNHH MTV ANH LONG	100				7	
III.	TTYT NHƠN TRẠCH: 07 CS	0					
1	TNHH GIẤY TUẦN VIỆT	1,269					
2	TNHH KOSTEEL VINA	0					
3	TNHH KỸ THUẬT BUENO	0					
4	TNHH GẠCH MEN BÁCH THÀNH	0					
5	CÔNG PHÂN SY VINA	0					
6	TNHH KIRBY ĐÔNG NAM Á	0					
7	CÔNG PHÂN PHỐI KHÍ ÁP THẤP DẦU KHÍ VN	0					
IV.	TTYT VĨNH CỬU: 07 CS	0					
1	TNHH KHANG THÀNH NM1	34					
2	TNHH KHANG THÀNH NM2	129					
3	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN TẠI VĨNH CỬU	36					
4	VLXD BH - XN KHAI THÁC ĐÁ THANH PHÚ	122					
5	VLXD BH - XN KHAI THÁC ĐÁ THIÊN TÂN	35					
6	CPĐT & CN BỬU LONG	52					
7	TTYT HUYỆN VĨNH CỬU	384		137		17	
V.	TTYT TRĂNG BOM : 05 CS	0					
1	CTY CHEN HO	46					

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và Ergonomic	
			Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
2	CTY HO CHANG	190					
3	CTY WELMAR	30					
4	CTY LỤC NHÂN	133	KHÍ	14			
5	TTYT TRĂNG BOM	406	máu, dịch tiết, ...	117			
VI.	TTYT THÔNG NHẤT: 00 CS	0					
VII	TTYT ĐỊNH QUÁN: 02 CS	0					
1	CP ĐỒNG PHÚ CƯỜNG	3,215					
2	TNHH MAY ĐỒNG PC	1,496					
VIII	TTYT TÂN PHÚ : 18 CS	0					
1	TYT PHÚ LỘC	9					
2	TYT PHÚ THỊNH	9					
3	TYT TÀ LÀI	10					
4	TYT PHÚ LẬP	8					
5	TYT TRÀ CỎ	7					
6	TYT THỊ TRẦN	8					
7	TYT NÚI TUỖNG	8					
8	TYT NAM CÁT TIỀN	7					
9	TYT PHÚ ĐIỀN	8					
10	TYT ĐẮC LƯA	7					
11	TYT PHÚ LÂM	9					
12	TYT THANH SƠN	5					
13	TYT PHÚ SƠN	9					
14	TYT PHÚ AN	7					
15	TYT PHÚ TRUNG	7					

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và Ergonomic	
			Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
16	TYT PHÚ BÌNH	8					
17	TYT PHÚ XUÂN	7					
18	TYT PHÚ THANH	7					
IX.	TTYT LONG KHÁNH: 00 CS	0					
X.	TTYT CẨM MỸ: 18 CS	0					
	XN CHÈ BIỂN MÙ CAO SU CẨM MỸ	73		12			
	TNHH HUY MINH	41		2			
	13 TRẠM Y TẾ	106		2			
	TNHH FASHION GARMENT 2	577		18			
	TTYT CẨM MỸ	33		5			
	PK SÔNG RAY	24		2			
XI	TTYT XUÂN LỘC: 00CS	0					
XII	DOANH NGHIỆP BẢO CÁO	0					
1	TNHH JYS VINA	173				50	0
2	TNHH GỖ CHAOYANG	460				14	0
3	TNHH GỖ LEFFU (VN)	1,527				24	0
4	TNHH ĐIỆN TỬ VIỆT TƯỜNG	1,112				16	0
5	TNHH VIỆT NAM NISSIN TECHNOMIC	107				23	0
6	TNHH NS BLUESCOPE LYSAGHT VIỆT NAM	46				5	0
7	TNHH MAY MẶC NGÀY VINH QUANG	302				274	0
8	TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU LIXIL VIỆT NAM	1,346				48	2
9	TNHH KUMKANG VINA	12				7	1
10	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NHỰA PHÚ LÂM	570				8	0
11	TNHH SÀI GÒN 3 JEAN	430				4	0

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và Ergonomic	
			Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
12	TNHH BRISKHEAT VIỆT NAM	369				6	0
13	TNHH BELMONT MUNUFACTURING	96				2	0
14	TNHH NHỰA VÀ HÓA CHẤT TPC VINA	175		1		45	
15	TNHH FC VIỆT NAM	311					
16	CHI NHÁNH CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM	506					
17	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY VẬN CHUYỂN KHÍ ĐÔNG NAM BỘ	192				114	
18	TNHH SILK VIỆT NAM	125				8	
19	TNHH RITEK VIỆT NAM	460				82	
20	TNHH SẢN PHẨM, 63 THỂ THAO	74				13	
21	TNHH AICA LAMINATES VIỆT NAM	91				4	
22	TNHH FUJIKURA ELECTRONICS VIỆT NAM	443				3	
23	TNHH TENTAC (HỒ CHÍ MINH)	207				12	
24	TNHH ON SEMICONDUCTOR VIỆT NAM	2,039				7	
25	CÔNG PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM - CHI NHÁNH BÌNH KHÍ	180					
26	CÔNG PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ	576					
27	CÔNG PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610 TẠI PHƯỚC TÂN	53				5	
28	TNHH QUỐC TẾ FLEMING VIỆT NAM	1,319				9	
29	TNHH HANSOL ELECTRONICS VIETNAM HOCHIMINH CITY	338				28	
30	NHÀ MÁY GIANG ĐIỀN - CÔNG TY TNHH OLAM VIỆT NAM	151					
31	CHI NHÁNH LONG BÌNH CÔNG TY TNHH OLAM VIỆT NAM	432					
32	CÔNG PHẦN NIPPON SAN SO VIỆT NAM	123					
33	CÔNG PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA	540				34	
34	TNHH MAPACIFIC SINGAPORE	246				4	
35	CP SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA DIELAC	303					
36	TNHH SAMIL VINA	1,536				7	

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và Ergonomic	
			Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
37	TNHH VIỆT NAM NISSIN SEIFUN	404					
38	TNHH NESTLE VIỆT NAM - NHÀ MÁY NESTLE VIỆT NAM	357				11	
39	CÔNG PHÂN HÒA VIỆT	271				8	
40	TNHH QUỐC TẾ KIM BẢO SƠN	2,045					
41	TNHH VIỆT NAM SUZUKI	394					
42	TEAKWANG VINA	27,718					
43	TNHH CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ NGHE NHÌN BOE	589					
44	TNHH GROBEST LANDFOUND	168	bụi, khí				0/4
45	TNHH GROBEST INDUSTRIAL	591	bụi, khí				
46	TNHH SAITEX INTERNATIONAL ĐỒNG NAI VN	2,988	bụi, khí				0/112
47	TNHH ADVANCED MULTITECH	3,734	bụi, khí				
48	TNHH KHÍ HÓA LỎNG VIỆT NAM VT GAS - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI	103					2/0
49	TNHH GIẤY DONA STANDARD VIỆT NAM	5,613	BỤI, KHÍ				0/8
50	TNHH SCHAEFFLER VIỆT NAM	450	BỤI, KHÍ				0/64
51	TNHH ĐÔNG PHƯƠNG ĐỒNG NAI VIỆT NAM	11,335	KHÍ, BỤI				0/141
52	TRIGON ASSOCIATES	20					
53	TNHH HANSOL ELECTRONICS VIỆT NAM HOCHIMINH CITY	338					
54	TNHH AFIRST VINA	1,454	hơi khí				
55	TNHH HUNTSMAN VIỆT NAM	27	bụi, khí				0/3
56	CÔNG PHÂN VLXD BIÊN HÒA	686	bụi				0/101
57	TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA-ĐỒNG NAI	434				25	0/25

TT	Tên cơ sở	Tổng số người lao động	Đánh giá các yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			Yếu tố tâm sinh lý và Ergonomic	
			Yếu tố tiếp xúc	Số người tiếp xúc	Kết quả đánh giá	Số người được đánh giá	Kết quả đánh giá
58	CÔNG PHẦN CAFE DENAM	4					
59	CP VINACAFE BIÊN HÒA	256				13	0/13
60	TNHH TÂN DƯƠNG	391				4	0/4
61	CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐÀU KHÍ VIỆT NAM	79				25	0/25
62	TNHH TOMBOW MANUFACTURING ASIA	776				4	0/4
63	HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP)	1,005				24	0/24
64	CÔNG PHẦN SCAVI	1,480				4	0/4
65	TNHH CHANG DAE VINA	379				10	0/10
66	TNHH NESTLE VIỆT NAM - NHÀ MÁY NESTLE ĐỒNG NAI	645				0/19	0/19
67	TNHH BÌNH TIỀN BIÊN HÒA	3,940					
	<i>Tổng cộng</i>	97,934	0	1,373	0	1,190	3